

Số: 863/BC-UBND

Phú Lương, ngày 25 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**Kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2024**  
**của huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội:**

**1.1. Điều kiện tự nhiên**

Phú Lương là huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Thái Nguyên. Trong đó: Phía Bắc giáp với huyện Định Hóa và huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; phía Nam giáp thành phố Thái Nguyên và huyện Đại Từ; phía Đông giáp huyện Đồng Hỷ; phía Tây giáp huyện Đại Từ và huyện Định Hóa. Trung tâm huyện đặt tại thị trấn Đu, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên khoảng 20km theo tuyến Quốc lộ 3 về phía Đông Nam. Phú Lương có diện tích tự nhiên khoảng 34.979,68 ha (349,79 km<sup>2</sup>), trong đó diện tích đất nông nghiệp là 12.066 ha (tính đến 31/12/2023) chiếm 34,4%.

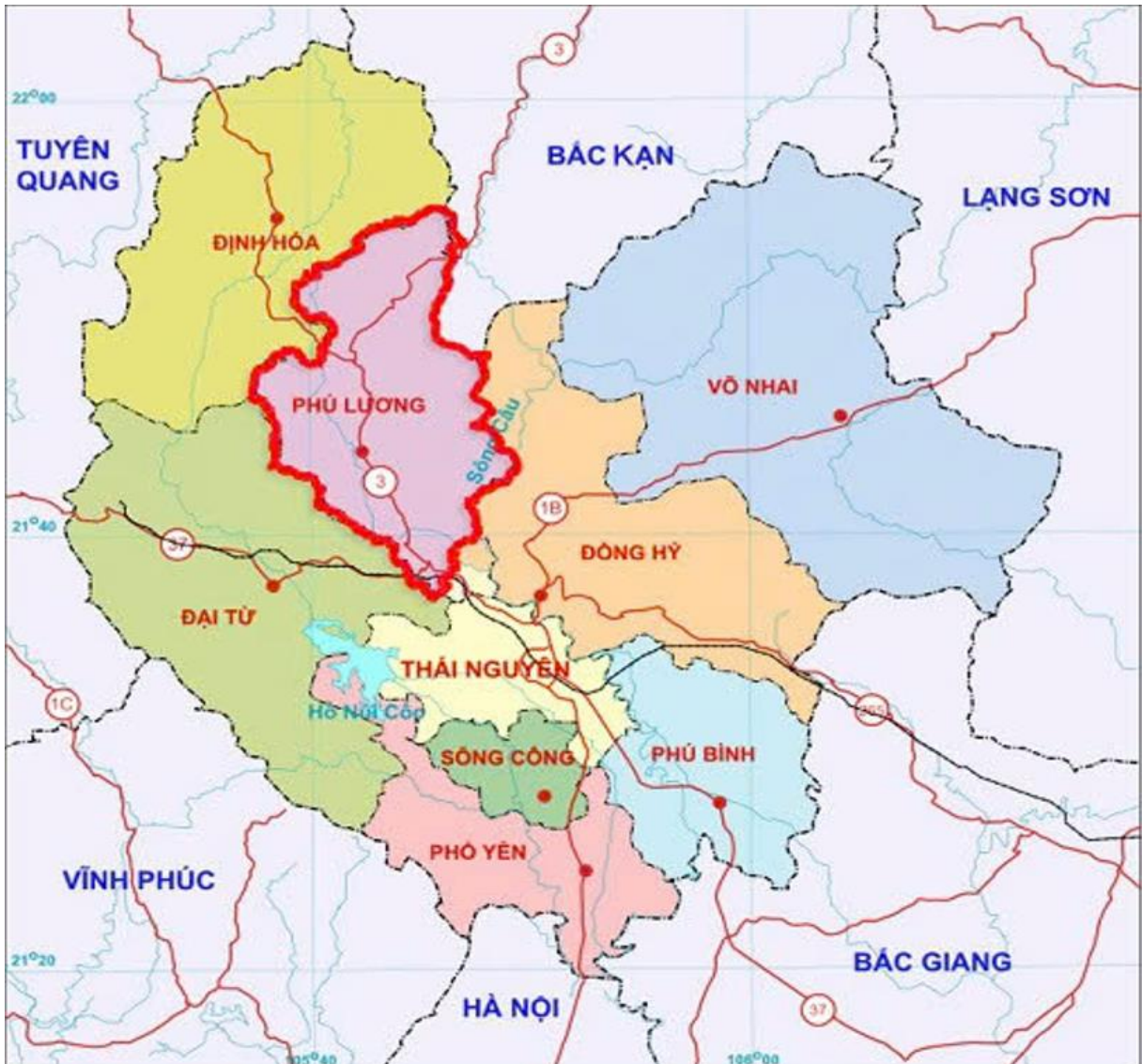
Vị trí địa lý kinh tế của huyện khá thuận lợi đặc biệt là có hệ thống giao thông kết nối Quốc gia đi qua. Phú Lương có các tuyến Quốc Lộ 3 (*Hà Nội – Cao Bằng*), Tuyến Quốc lộ 37, Tuyến Quốc lộ 3C, Tuyến Thái Nguyên – Chợ Mới kết nối Thái Nguyên với các tỉnh phía Bắc. Ngoài ra, tương lai có tuyến Vành đai 1 (trục Ngang theo quy hoạch tỉnh) từ huyện Đại Từ qua huyện Phú Lương, thành phố Thái Nguyên sang huyện Đồng Hỷ kết nối với Quốc lộ 17 đi Bắc Giang. Đây là những tuyến giao thông Quốc gia có ý nghĩa quan trọng với lĩnh vực Quốc phòng an ninh và phát triển kinh tế tỉnh Thái Nguyên cũng như của huyện Phú Lương.

Huyện Phú Lương có địa hình đồi, núi cao tập trung phía Bắc, Đông, Đông Bắc và phía Tây Nam dốc dần theo hướng Bắc Nam. Khu vực có địa hình thấp nhất ở phía Nam giáp thành phố Thái Nguyên. Những vùng đất tương đối bằng phẳng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp chiếm tập trung chủ yếu ở phía Nam huyện và phân tán dọc theo các thung lũng tạo ra bởi địa hình chia cắt. Với đặc điểm địa hình như vậy, huyện Phú Lương chia thành 4 khu vực tự nhiên. Phú Lương là huyện nằm trong hệ thống sông Cầu, có nguồn nước rất phong phú, sông suối trên địa bàn phân bố khá đồng đều, phần lớn chạy từ hướng Đông Bắc xuống Tây Nam. Do đặc điểm địa hình đồi núi ở đầu nguồn và chia cắt mà hầu hết

các sông suối ở đây đều có lưu vực được phân chia để hình thành các hồ, đập. Trên địa bàn huyện có đến 139 hồ, đập với trữ lượng ổn định là điều kiện thuận lợi để phát triển nông, lâm nghiệp và du lịch.

Toàn huyện có trên 3.000ha trồng lúa, trong đó có trên 200ha trồng lúa với loại lúa nếp vải đặc sản ở các 05 xã Ôn Lương, Phủ Lý, Hợp Thành, Yên Trạch, Yên Đô. Huyện Phú Lương có diện tích trồng chè hơn 4.104,4 ha, sản lượng 47.406 tấn, trồng và chế biến chè là cây nông nghiệp có giá trị cao, là huyện có số lượng làng nghề nhiều nhất tỉnh Thái Nguyên với 45 làng nghề chè đã được công nhận, nhiều làng nghề chè nổi tiếng, sản phẩm chè Phú Lương đã có mặt trên thị trường trong và ngoài nước.

Với vị trí địa lý thuận lợi, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, huyện Phú Lương có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển nông, lâm nghiệp công nghệ cao, du lịch, thương mại, dịch vụ và công nghiệp.



*Bản đồ tỉnh Thái Nguyên*

## **1.2. Kinh tế - xã hội:**

Huyện Phú Lương có 13 xã và 02 thị trấn. Toàn huyện có 27.592 hộ, 110.359 nhân khẩu với 08 dân tộc chủ yếu, 03 tôn giáo (*Phật giáo, Công giáo và Tin Lành*) cùng sinh sống.

Trên địa bàn huyện có 8 dân tộc chủ yếu cùng chung sống. Trong đó người Kinh chiếm khoảng 51%, còn lại là người dân tộc thiểu số gồm: Tày, Nùng, Sán Chay, Dao, Sán Dìu, Thái, H.Mông. Đây là cơ sở hình thành không gian văn hóa đậm đà và phong phú với nhiều di sản văn hóa mang nét đặc trưng riêng. Hiện trên địa bàn huyện có nhiều di sản văn hóa, trong đó có 06 di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia, 05 di sản cấp Quốc gia, 19 di sản cấp tỉnh. Huyện Phú Lương là vùng đất giàu truyền thống văn hóa và lịch sử cách mạng. Trong kháng chiến chống Pháp, Phú Lương là an toàn khu kháng chiến, cửa ngõ ATK Định Hóa và là vùng đất được thiên nhiên ưu đãi về thổ nhưỡng, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên. Phú Lương còn được biết đến là vùng đất có diện tích rừng và cây công nghiệp (cây chè) với khoảng 16.540 ha đất rừng và 4.104,4 ha cây chè. Đây cũng là thế mạnh và là tiềm năng của huyện trong việc đẩy mạnh kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch.

Từ một huyện miền núi sản xuất nông nghiệp, đời sống khó khăn, cơ sở hạ tầng kém phát triển, đến nay Phú Lương đã đạt được những kết quả nổi bật, toàn diện. Trong những năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện luôn duy trì ở mức khá; tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu tăng bình quân 5,45%/năm, trong đó ngành nông, lâm, nghiệp thủy sản tăng 3,5%/năm. Năm 2024, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1.416,4 tỷ đồng, công nghiệp xây dựng đạt 681,1 tỷ đồng, dịch vụ kinh tế chủ yếu đạt 2.775,5 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng, dịch vụ giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Năng suất, sản lượng các cây trồng chủ lực hàng năm của huyện đều đạt và vượt so với kế hoạch. Đến năm 2024, sản lượng chè búp tươi đạt 47.406 tấn, cây chè trở thành cây trồng mũi nhọn, sản phẩm trà Phú Lương ngày càng khẳng định được thương hiệu và uy tín trên thị trường trong nước, quốc tế, sản lượng lương thực ước đạt 32.651 tấn. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 35 sản phẩm được xếp hạng sản phẩm OCOP 3 sao trở lên (*19 sản phẩm trà; 06 sản phẩm gạo và chế biến từ gạo (mỳ gạo, bánh chưng); 02 sản phẩm mật ong; 01 sản phẩm măng Lục trúc; 02 sản phẩm rượu; 05 sản phẩm dược liệu từ dây thìa canh, Sâm bố chính*); giá trị sản phẩm/01ha đất trồng trọt năm 2024 đạt 122 triệu đồng.

Lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo được quan tâm, đầu tư phát triển. Đến nay 100% các xã có nhà văn hoá xã, xóm, sân thể thao đạt chuẩn theo quy định; 100% xóm, TDP đạt xóm văn hóa, 96,4% hộ gia đình văn hóa, 94,3%

trường học đạt chuẩn Quốc gia, 100% trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế, tỷ lệ người dân tham gia BHYT toàn huyện đạt 96,7%.

Công tác giảm nghèo, lao động, chính sách người có công được thực hiện kịp thời, đảm bảo đầy đủ theo chính sách của nhà nước. Hàng năm, toàn huyện đã giải quyết việc làm mới cho trên 2.000 lao động, đào tạo nghề được trên 2.500 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,78%, thu nhập bình quân đầu người đạt 55,65 triệu đồng/người/năm.

Tình hình an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện ổn định. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị đạt được những kết quả tích cực. Bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được đổi mới ngày càng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được nâng cao; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường.

## **2. Thuận lợi, khó khăn:**

### **2.1. Thuận lợi:**

- Từ khi triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đến nay, huyện Phú Lương luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thái Nguyên và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành của tỉnh. Các chủ trương, chính sách, cơ chế của Trung ương, của tỉnh về xây dựng NTM được ban hành kịp thời.

- Sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt, khoa học, hiệu quả của Đảng bộ, chính quyền huyện; sự đoàn kết, đồng lòng, sự quyết tâm phấn đấu xây dựng kinh tế - xã hội phát triển về mọi mặt của Nhân dân các dân tộc trong toàn huyện. Trong Chương trình xây dựng NTM, huyện Phú Lương đã huy động được cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc, phát huy mọi nguồn lực và sức mạnh toàn dân, quyết tâm cao để hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Huyện có vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên (đất đai, khí hậu, thủy lợi...) tương đối thuận lợi, bên cạnh đó có nhiều danh lam, thắng cảnh, điểm du lịch, nhiều di tích lịch sử, văn hoá... tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với phát triển du lịch và các dịch vụ phục vụ khác. Vị trí địa lý và giao thông thuận lợi tạo điều kiện cho việc giao lưu văn hóa và các hoạt động kinh tế như trao đổi hàng hóa nông sản, công nghiệp và dịch vụ thương mại của toàn huyện cùng các vùng lân cận.

- Kết cấu hạ tầng của huyện được quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ bản đồng bộ như: Quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết trung tâm các xã, thị trấn; quy hoạch du lịch, quy hoạch vùng sản xuất tập trung... Giao thông, thủy lợi, điện, trường học, hệ thống cơ sở y tế, các thiết



chế văn hóa... được quan tâm đầu tư xây dựng tạo nền tảng thuận lợi cho xây dựng NTM.

- Kinh tế của huyện ngày càng phát triển, đời sống vật chất tinh thần của người dân được nâng lên, tạo nhiều điều kiện thuận lợi để đầu tư nguồn lực, đóng góp xây dựng NTM.

## **2.2. Khó khăn:**

- Xuất phát điểm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM của huyện thấp, bình quân các xã đạt 5,43 tiêu chí/xã, thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 12,8 triệu đồng năm 2011, tỷ lệ hộ nghèo năm 2011 theo chuẩn giai đoạn 2011-2016 của các xã là 21,99%.

- Nguồn lực đầu tư cho kết cấu hạ tầng để đạt chuẩn các tiêu chí NTM còn nhiều hạn chế do địa bàn huyện rộng, số đơn vị hành chính nhiều, ngân sách chưa đáp ứng đủ theo nhu cầu, đời sống của người dân còn khó khăn nên sức đóng góp chưa cao.

- Nhận thức của một số hộ dân trong việc xây dựng NTM còn hạn chế, đặc biệt là ở giai đoạn đầu khi mới triển khai thực hiện Chương trình.

- Huyện có hệ thống sông, suối hồ đập dày đặc, nhiều đồi núi vừa là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế nhưng cũng là khó khăn của huyện trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng đặc biệt là công trình giao thông, thủy lợi. Một số nơi tiềm ẩn nhiều nguy cơ xảy ra thiên tai.

- Trong những năm qua, thời tiết diễn biến phức tạp, ảnh hưởng của cơn bão số 3 Yagi năm 2024, đại dịch Covid-19, dịch bệnh trong chăn nuôi, thị trường nông sản hàng hóa diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

## **II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **1. Văn bản của Trung ương**

- Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khoá XV về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 3 năm 2024;

- Các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giai đoạn từ 2011-2020 và các văn bản khác của các cơ quan, các bộ, ngành Trung ương có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

## **2. Văn bản của tỉnh Thái Nguyên**

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 13/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 23/11/2020 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Nghị quyết số 196/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh thông qua thông qua Đề án Xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh Đề án Xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 4176/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Đề án Xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Bộ tiêu chí xóm nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 và phân công các Sở, ngành phụ trách, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, tiêu chí;

- Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định cụ thể một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và phân công các Sở, ngành phụ trách, hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới cấp huyện;

- Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 và phân công các Sở, ngành phụ trách, hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí;

- Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 và phân công các Sở, ngành phụ trách, hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí;

- Kết luận số 1338-KL/TU ngày 26/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo xây dựng và phát triển huyện Phú Lương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí về huyện NTM nâng cao tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025;

- Các văn bản chỉ đạo của Ban chỉ đạo, các sở, ban, ngành cấp tỉnh về chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

### **3. Văn bản của huyện**

- Nghị quyết số 13-NQ/ĐH ngày 07/8/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Chương trình hành động số 01-CTr/HU ngày 11/8/2020 của Huyện ủy Phú Lương về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện Phú Lương về Chương trình đầu tư phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2025 huyện Phú Lương;

- Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện về Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội huyện Phú Lương giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND huyện Phú Lương về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2022-2025”; Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND huyện Phú Lương về việc phê duyệt, điều chỉnh bổ sung Đề án “Xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2022-2025”;

- Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 11/12/2023 của Huyện ủy Phú Lương về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2024; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Phú Lương về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2023 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024 huyện Phú Lương;

- Chương trình hành động số 21-CTr/HU ngày 12/01/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về thực hiện Kết luận số 1338-KL/TU, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

- Quyết định số 2181-QĐ/HU ngày 16/01/2024 của Huyện ủy Phú Lương về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Kết luận số 1338-KL/HU, ngày

26/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về lãnh đạo xây dựng và phát triển huyện Phú Lương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 05/2/2024 của UBND huyện Phú Lương về xây dựng huyện Phú Lương đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024;

- Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 07/02/2024 thực hiện Chương trình hành động của BCH Đảng bộ huyện thực hiện Kết luận 1338-KL/TU, ngày 26/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ để triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2024.

### III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NTM

#### 1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

- Ngay sau khi được triển khai, huyện Phú Lương đã xác định Chương trình MTQG xây dựng NTM là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị, đã kịp thời ban hành các Nghị quyết, Đề án, Kế hoạch để chỉ đạo thực hiện. UBND huyện tổ chức phát động thi đua ***“Phú Lương quyết tâm, chung sức xây dựng nông thôn mới”*** tới 100% các xã. Chỉ đạo triển khai thực hiện lồng ghép với các Chương trình, dự án, đặc biệt là trong công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, các công trình đường giao thông nông thôn và kênh mương nội đồng sử dụng thiết kế đơn giản, nhà văn hóa xóm sử dụng thiết kế mẫu chung, do đó giảm được đáng kể kinh phí đầu tư và đóng góp của Nhân dân.

- Năm 2024, huyện đã có 13/13 xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM, trong đó có 03 xã đạt NTM nâng cao, 02 xã đạt xã NTM kiểu mẫu. Trên cơ sở kết quả đạt được, Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương quyết tâm phấn đấu xây dựng huyện đạt chuẩn NTM vào năm 2024, **sớm hơn 01 năm so với mục tiêu Nghị quyết Đảng bộ huyện Phú Lương nhiệm kỳ 2020-2025**. Để góp phần hoàn thành mục tiêu huyện Phú Lương đạt chuẩn NTM năm 2024, huyện đã tổ chức phát động đợt thi đua cao điểm ***“Phú Lương quyết tâm, chung sức xây dựng huyện NTM”*** triển khai thực hiện từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 trên phạm vi toàn huyện. Đợt thi đua đã nhận được sự ủng hộ, đồng lòng của cán bộ, đảng viên và toàn thể Nhân dân các xã, thị trấn, góp phần xây dựng, duy trì cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; xây dựng đời sống văn hóa, NTM, đô thị văn minh; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để triển khai đảm bảo tiến độ các công trình, dự án theo yêu cầu tiêu chí huyện NTM...

- Để đảm bảo cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn huyện, bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo từ huyện đến cơ sở được triển khai đồng bộ:

+ Cấp huyện: Từ năm 2011, UBND huyện đã thành lập BCD thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 do đồng chí Bí thư Huyện uỷ làm Trưởng ban, thành viên là lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, các ban ngành đoàn thể có liên quan. Năm 2022, huyện đã thành lập BCD các Chương trình MTQG, thành lập Tổ công tác Chương trình MTQG xây dựng NTM.

Năm 2015, UBND huyện đã thành lập Văn phòng điều phối chương trình xây dựng NTM huyện Phú Lương đặt tại phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho BCD, UBND huyện trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện.

+ Cấp xã: Từ năm 2011, các xã thành lập BCD Chương trình xây dựng NTM do đồng chí Bí thư Đảng uỷ làm Trưởng ban, đồng chí Phó Bí thư - Chủ tịch UBND xã làm Phó ban Thường trực. Đồng thời thành lập Ban quản lý Chương trình xây dựng NTM do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng ban. Đến năm 2022, các xã thành lập thành lập BCD các Chương trình MTQG, duy trì, kiện toàn BQL Chương trình xây dựng NTM để triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn các xã.

+ Cấp xóm: 100% các xóm thành lập Ban phát triển xóm. Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch xây dựng NTM tại cơ sở xóm.



*Hội nghị Ban Thường vụ tỉnh uỷ làm việc với BTV huyện Phú Lương ban hành kết luận xây dựng huyện Phú Lương đạt chuẩn NTM năm 2024*





*Hội nghị đánh giá tiến độ xây dựng huyện Phú Lương đạt chuẩn NTM*

## **2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn:**

### **2.1. Công tác truyền thông:**

- Huyện đã phát động phong trào Phú Lương quyết tâm, chung sức xây dựng NTM, đô thị văn minh tới 100% các xã, thị trấn. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương đã phát động các phong trào thi đua chung tay xây dựng NTM gắn với nâng cao chất lượng các cuộc vận động: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”, phong trào “Phụ nữ Phú Lương chung sức xây dựng NTM, đô thị văn minh”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, mô hình “5 không, 3 sạch”, “Thắp sáng làng quê”...

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng Kế hoạch và tổ chức tuyên truyền về xây dựng NTM với những nội dung cụ thể, sát với thực tế của huyện. Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện. Tuyên truyền, biểu dương những mô hình hiệu quả, kinh nghiệm hay, cách làm sáng tạo của các đơn vị, những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến. Đã tổ chức trên 4.550 buổi tuyên truyền tập trung thu hút trên 300.000 lượt người tham dự, trên 700 lớp tập huấn cho trên 40.000 lượt học viên là lãnh đạo, cán bộ các phòng, ban đơn vị, UBND các xã, bí thư chi bộ, trưởng xóm về nâng cao năng lực thực hiện các nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình chuyên đề, tổ chức trên 150 buổi phát động, 40 hội thi thu hút trên 12.000 lượt người tham gia, đăng tải gần 20.000 tin bài về chương trình NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội...



*Đồng chí Nguyễn Quốc Hữu, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Phú Lương trao giấy khen cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Phú Lương chung sức xây dựng NTM năm 2024*

**2.2. Công tác đào tạo, tập huấn:** Trên cơ sở các hướng dẫn, tài liệu của Trung ương, của Tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch, tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, đảng viên, nhân dân về Chương trình xây dựng NTM. Nội dung tập huấn bao gồm việc triển khai các văn bản chỉ đạo của các cấp, các ngành về xây dựng NTM, các kiến thức về quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình, các nội dung trong công tác lập quy hoạch, lập Đề án xây dựng NTM và Đề án phát triển sản xuất. Từ năm 2011 đến nay, huyện đã chỉ đạo tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ với 363 lớp cho trên 25.400 lượt người tham gia. Tổ chức 20 đoàn tham quan học tập kinh nghiệm tại các địa phương trong và ngoài tỉnh.

### **3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng huyện NTM**

**Tổng kinh phí đã thực hiện: 1.870,783 tỷ đồng, trong đó:**

- Ngân sách Trung ương 196,286 tỷ đồng, chiếm 10%;
- Ngân sách tỉnh 60,4 tỷ đồng, chiếm 3%;
- Ngân sách huyện 45,297 tỷ đồng, chiếm 2%;
- Ngân sách xã 77,4 tỷ đồng, chiếm 4 %;
- Vốn lồng ghép 1.455 tỷ đồng, chiếm 78%;
- Nhân dân đóng góp 36,4 tỷ đồng, chiếm 2%.

Các nguồn vốn đầu tư cho Chương trình xây dựng NTM được phân bổ, quản lý, sử dụng theo đúng quy định và đối tượng, lồng ghép các nguồn vốn, các chương trình, dự án. Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đối với các tiêu chí chưa đạt chuẩn, đầu tư phát triển sản xuất. Quản lý và phát huy hiệu quả

nguồn đóng góp của Nhân dân, nguồn vốn hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân. Trong quá trình triển khai thực hiện, huyện đã tập trung chỉ đạo, đề ra nhiều giải pháp tập trung huy động nguồn lực xây dựng NTM, bố trí kinh phí đầy đủ theo đúng quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, do vậy đến nay trên địa bàn huyện Phú Lương không có nợ đọng trong xây dựng cơ bản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.

## **IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG HUYỆN NTM**

### **1. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

#### ***1.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định:***

- Số xã đạt chuẩn NTM: 13/13 xã <sup>(1)</sup>, đạt 100%; 100% các xã đạt chuẩn NTM trước năm 2022 đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021-2025.

- Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao: 03/13 xã, đạt 23,07% (Tức Tranh, Vô Tranh, Cỏ Lũng).

- Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu: 02/13 xã, đạt 15,38% (Tức Tranh, Cỏ Lũng).

***1.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định:*** Huyện có 02 thị trấn (*thị trấn Đu và thị trấn Giang Tiên*), năm 2024 thị trấn Đu và thị trấn Giang Tiên đã được Hội đồng thẩm định, xét công nhận thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh của huyện thống nhất, đánh giá đạt các tiêu chí đô thị văn minh theo quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các Quyết định:

- Quyết định số 2388/QĐ-UBND, ngày 18/10/2024 của UBND huyện về việc công nhận thị trấn Đu đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

- Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND huyện về việc công nhận thị trấn Giang Tiên đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2024.

### **2. Kết quả thực hiện xây dựng NTM ở các xã**

#### ***2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:***

- Ngay từ khi triển khai thực hiện Chương trình, UBND huyện đã quyết liệt chỉ đạo công tác lập quy hoạch xây dựng NTM, trong năm 2012, 100% các xã đã hoàn thành công tác lập quy hoạch. Giai đoạn 2015-2020 và 2021-2025 tất cả các xã trên địa bàn huyện đã thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung. 13/13 xã đã được UBND huyện phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã, Đồ án quy hoạch chung các xã được phê duyệt đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021- 2025.

---

<sup>1</sup> Trong đó: Giai đoạn 2011-2015: Có 04 xã đạt chuẩn NTM, gồm: Cỏ Lũng, Ôn Lương, Phấn Mễ, Tức Tranh. Giai đoạn 2016-2020: Có 06 xã đạt chuẩn NTM, gồm: Động Đạt, Hợp Thành, Yên Đỗ, Vô Tranh, Phú Đô, Yên Lạc. Giai đoạn 2021-2025: Có 03 xã đạt chuẩn NTM, gồm: Yên Ninh, Phú Lý, Yên Trạch.

- Sau khi quy hoạch được phê duyệt, 100% các xã tổ chức thực hiện công bố, công khai đúng quy định.

- 100% các xã lập và ban hành quy định quản lý theo đề án quy hoạch chung xã đã được phê duyệt, đồng thời quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt cũng như thu hút các dự án đầu tư.

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Quy hoạch.*

## **2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu**

**2.2.1. Về giao thông:** Huyện đã tập trung huy động các nguồn lực, đặc biệt là từ nhân dân (hiến đất, tài sản, tiền mặt, ngày công lao động...) để xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường GTNT. Từ năm 2011 đến nay, toàn huyện đã huy động được trên 900 tỷ đồng để cải tạo nâng cấp trên 680km đường GTNT. Đến nay, toàn huyện có 733,28km/787,23km, đạt 93,15% đường GTNT các loại được nhựa hoá, bê tông hoá (tăng 83% so với năm 2011). Kết quả cụ thể:

- *Đường trục xã, liên xã:* 74 tuyến với tổng chiều dài 209,366km/209,366km đạt tỷ lệ 100%; các tuyến đường trục xã, liên xã trong huyện chủ yếu là đường GTNT loại A một số tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp VI-MN; 100% đường từ trung tâm xã đến đường huyện đều được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo nền đường rộng tối thiểu từ 5,0m trở lên, mặt đường rộng tối thiểu 3m trở lên đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện, an toàn quanh năm.

- *Đường trục xóm:* Gồm 272 tuyến với tổng chiều dài 274,114/260,676km đã được bê tông hoá, đạt tỷ lệ 94,80%; các tuyến đường trục xóm chủ yếu là đường GTNT loại A, loại B đảm bảo nền đường rộng tối thiểu 4,5m trở lên, mặt đường rộng tối thiểu 3m trở lên, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường ngõ, xóm:* Gồm 447 tuyến với tổng chiều dài 218,895/247,402km đã được bê tông hoá, đạt tỷ lệ 88,48%; các tuyến đường ngõ xóm chủ yếu đảm bảo nền đường rộng tối thiểu 4,0m trở lên, mặt đường rộng tối thiểu 3,0m trở lên; các tuyến đã đảm bảo thoát nước không gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa, phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường nội đồng:* Gồm 160 tuyến với tổng chiều dài 57,903/69,781km đã được cứng hoá, đạt tỷ lệ 82,98%; nền đường rộng tối thiểu 4,0m trở lên, mặt đường rộng tối thiểu 2,5 - 3,0m trở lên. Các tuyến đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Giao thông.*





### *Tuyến đường GTNT xã Cổ Lũng*

#### *2.2.2. Về thủy lợi và phòng chống thiên tai:*

- Huyện có 173 công trình thủy lợi (145 công trình do cấp huyện quản lý, 28 công trình do cấp tỉnh quản lý) và 319 km kênh mương. Hàng năm, đã huy động tối đa nguồn lực để đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu tưới, tiêu trong sản xuất và dân sinh. Từ năm 2011 đến nay đã sửa chữa, nâng cấp 145 công trình thủy lợi, xây dựng, cải tạo, nâng cấp 69,7km kênh mương với tổng kinh phí trên 95,2 tỷ đồng. Diện tích tưới và tiêu nước chủ động của các xã đạt trên 80%.

- 100% các xã đã thành lập, thường xuyên kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai theo quy định của Luật phòng, chống thiên tai; Đảm bảo yêu cầu về chủ động phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ” (*chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ, vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ; hậu cần tại chỗ*).

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Thủy lợi và phòng, chống thiên tai.*

#### *2.2.3. Về điện:*

- Hệ thống các Trạm biến áp phân phối, đường dây trung áp, đường dây hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của Nhân dân trên địa bàn huyện như sau: 248,816km đường dây trung thế; 507,909km đường dây hạ thế; 291TBA với tổng công suất 80.480 kVA; 29.417 công tơ điện, đảm bảo đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn trên địa bàn 13 xã là: 24.223 hộ/24.223 hộ, đạt tỷ lệ 100%.

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Điện.*



### *Nâng cấp, sửa chữa lưới điện hạ thế*

#### 2.2.4. Về trường học:

- Các công trình trường, lớp học được xây dựng nâng cấp phục vụ tốt hoạt động giảng dạy và học tập, từ năm 2011 đến nay, huyện đã đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp 260 công trình nhà lớp học, mua sắm 11.194 bộ bàn ghế học sinh; trên 200 bộ thiết bị dạy học. Đến nay, trường học các cấp có diện tích khuôn viên, nhà vệ sinh đạt chuẩn theo quy định; có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc học của học sinh và giảng dạy của giáo viên đáp ứng việc giảng dạy, học tập trong thời kỳ công nghệ số và đảm bảo các điều kiện thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo đúng lộ trình. Các trường đều có hệ thống công nghệ thông tin kết nối Internet, có Website riêng, 100% các trường sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, có hệ thống thoát nước, sân chơi, bãi tập, khu nhà vệ sinh riêng cho học sinh, giáo viên, tách riêng cho nam, nữ đảm bảo theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có cây xanh, bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

- Trên địa bàn 13 xã có 46 trường học (*trong đó đó cấp học Mầm non: 15 trường; cấp học Tiểu học: 18 trường; cấp học THCS: 13 trường*), 43/46 trường học đạt chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*trong đó 35/46 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học mức độ 1, chiếm tỷ lệ 76,1%; 8/46 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học mức độ 2 chiếm tỷ lệ 17,4%*) và được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên công nhận kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và mức độ 3<sup>(2)</sup>. Các trường học trên địa bàn hiện đang thực hiện và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục đảm bảo các điều kiện thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo đúng lộ trình và phát huy tốt các điều kiện của trường đạt chuẩn quốc gia.

<sup>2</sup> Cụ thể: Cấp học Mầm non: 13/15 trường đạt chuẩn quốc gia; trong đó 09 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1; 04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Cấp học Tiểu học: 18/18 trường đạt chuẩn quốc gia; trong đó 17 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1; 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Cấp học THCS: 12/13 trường đạt chuẩn quốc gia; trong đó 09 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1; 03 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.



\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Trường học.



### *Trường THCS Cổ Lũng đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2*

#### *2.2.5. Về cơ sở vật chất văn hóa:*

Từ năm 2011 đến nay, toàn huyện đã đầu tư xây dựng, sửa chữa: 06 trung tâm Văn hóa - Thể thao xã xây mới, 04 trung tâm văn hoá thể thao xã sửa chữa; 65 nhà văn hoá xóm xây mới; sửa chữa, nâng cấp 75 nhà văn hóa xóm với tổng kinh phí trên 63 tỷ đồng.

- Toàn huyện hiện có 13/13 xã, đạt tỷ lệ 100% xã có nhà văn hóa, trung tâm văn hóa đảm bảo diện tích, quy mô từ 250 chỗ ngồi trở lên. Nhà văn hóa, Trung tâm văn hóa các xã được trang bị đầy đủ các trang thiết bị gồm: bàn, ghế, trang bị âm thanh, ánh sáng, loa đài... đáp ứng yêu cầu sinh hoạt văn hóa, tổ chức các sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng của xã như: Đại hội Đảng bộ; tổ chức hội nghị; hội thảo; các hoạt động văn hóa, văn nghệ nhân các sự kiện chính trị trọng đại; 13/13 xã có sân thể thao đảm bảo phục vụ tổ chức đại hội Thể dục thể thao, các sự kiện lớn và hoạt động sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí... thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Trung tâm văn hóa - thể thao cũng là địa điểm thuận lợi tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao của các tổ chức đoàn thể nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, đáp ứng tổ chức tốt nhiều hoạt

động văn hóa cấp cụm như: Hội thi “Tuyên truyền xây dựng NTM”, Hội thi “Tìm hiểu kiến thức về gia đình và phòng chống bạo lực gia đình”...

- 13/13 xã đã bố trí Trung tâm văn hóa, thể thao xã, điểm tập trung đông dân cư để lắp đặt trang thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi; 03/13 xã bố trí điểm vui chơi giải trí độc lập (*Vô Tranh, Túc Tranh, Cổ Lũng*); các điểm vui chơi, giải trí có lắp đặt từ 05 dụng cụ thể thao trở lên (*trong đó có từ 01-02 dụng cụ dành cho trẻ em*).

- Toàn huyện có 191/191 xóm có nhà văn hóa, sân thể thao cơ bản đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân. Các xã lắp đặt từ 02-08 bộ dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở các điểm công cộng đủ điều kiện phục vụ nhu cầu luyện tập thể thao của Nhân dân (*mỗi bộ từ 05 thiết bị trở lên*). Các nhà văn hóa xóm thường xuyên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao; dành trên 30% thời gian hoạt động phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi, thu hút trên 50% dân số tham gia.

Nhà văn hoá, khu thể thao xóm đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao của Nhân dân địa phương; là nơi diễn ra các hoạt động phổ biến khoa học kỹ thuật trong sản xuất cho Nhân dân, tuyên truyền bảo vệ môi trường, tổ chức sinh hoạt chi bộ đảng, các tổ chức đoàn thể; là nơi phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu văn nghệ, thể thao ở địa phương... Trong dịp sinh hoạt hè hàng năm, nhà văn hóa xóm phát huy tốt hiệu quả là địa điểm sinh hoạt văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí cho thanh thiếu nhi. Vào dịp các ngày lễ lớn, nhà văn hóa là nơi diễn ra các cuộc giao lưu, liên hoan, hội diễn văn nghệ; giao lưu, thi đấu các môn thể thao chào mừng, tạo sân chơi lành mạnh cho Nhân dân. Những năm gần đây, nhiều địa phương trên địa bàn huyện sử dụng nhà văn hóa xóm làm nơi tổ chức tiệc cưới cho các gia đình, góp phần thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa trong cộng đồng dân cư.

- 100% các xã có điểm vui chơi, giải trí được lắp đặt dụng cụ thể thao phục vụ cho người dân, trẻ em và người cao tuổi. Hiện nay, toàn huyện toàn huyện đã có 13/13 xã có nhà luyện tập, thi đấu thể thao, sân thể thao; 03 sân cỏ nhân tạo; 11 bể bơi, 08 sân bóng mini, 05 cơ sở kinh doanh thể thao do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng đáp ứng nhu cầu rèn luyện thể dục, thể thao của Nhân dân.

- 100% các xóm trên địa bàn 13 xã (191 xóm) có nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng đạt chuẩn.

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa.*



*Huyện Phú Lương tích cực đầu tư xây dựng các nhà văn hoá, thiết chế văn hoá tại xóm*



*Nhà Văn hoá xóm Bản Đông, xã Ôn Lương*

#### 2.2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Trên địa bàn huyện hiện có 10 chợ đang hoạt động<sup>3</sup> nằm trên địa bàn 13 xã, tổng diện tích sử dụng đất các chợ trên địa bàn là 40.655,3 m<sup>2</sup>. Để đảm bảo chất lượng cơ sở vật chất của các chợ trên địa bàn, bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, trong giai đoạn 2011 - 2024 huyện đã thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo sửa chữa đối với 10 chợ tổng nguồn vốn đầu tư khoảng 21,45 tỷ đồng.

- 10 xã có chợ trên địa bàn đều đảm bảo các yêu cầu về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Quyết định số 1327/QĐ-BCT, ngày

<sup>3</sup> 10 chợ gồm: Phú Đô, Yên Lạc, Phấn Mễ, Yên Đô, Yên Ninh, Yên Trạch, Ôn Lương, Hợp Thành, Túc Tranh, Vô Tranh



03/6/2024 của Bộ Công Thương. Các chợ truyền thống được duy trì hoạt động thường xuyên, đáp ứng tốt về nhu cầu hàng hoá thiết yếu, nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá của Nhân dân trên địa bàn.

- 03 xã không có chợ (Cổ Lũng, Phú Lý và Động Đạt) có hệ thống cửa hàng kinh doanh tổng hợp tại trung tâm xã, khu dân cư tập trung và các địa phương lân cận khá phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân có nơi mua bán, trao đổi hàng hoá. Các cửa hàng kinh doanh tổng hợp đều đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 1327/QĐ-BCT, ngày 03/6/2024 của Bộ Công Thương.

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.*

#### 2.2.7. Về thông tin và truyền thông:

- 100% các xã có điểm phục vụ bưu chính, cung ứng các dịch vụ như: Gửi nhận bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh, phát hành báo... phục vụ tốt nhu cầu của Nhân dân trên địa bàn.

- 100% các xã có đường truyền kết nối internet băng thông rộng của các nhà mạng như Viettel, Mobifone, Vinaphone về đến các xóm. Toàn huyện có 158 trạm BTS (VNPT: 60 trạm, Viettel: 67 trạm, Mobifone: 31 trạm) đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại cố định và dịch vụ thông tin di động của Nhân dân.

- 100% các xã có Trạm truyền thanh và hệ thống loa, cùm loa truyền thanh đến xóm. Hệ thống truyền thanh được hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- 100% các xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành như: 100% cán bộ, công chức xã được trang bị máy tính để làm việc, tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức xã đạt 100%; Các xã sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng như Quản lý văn bản và điều hành, một cửa điện tử, thư điện tử công vụ, công thông tin điện tử. Tỷ lệ giải quyết dịch vụ công trực tuyến tính các xã đều đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới theo quy định.

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông.*

#### 2.2.8. Về nhà ở dân cư:

- Từ năm 2013 đến năm 2023: Tổng số hộ gia đình được hỗ trợ về nhà ở là trên 9.000 hộ (xây mới trên 3.500 hộ; sửa chữa khoảng 5.500 hộ) với tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước khoảng 250.560 triệu đồng (trong đó: Ngân sách Trung ương là 223.956 triệu đồng; Ngân sách tỉnh khoảng 23.084 triệu đồng; Quỹ vì người nghèo khoảng 3.520 triệu đồng). Ngoài nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, còn có các nguồn vốn khác (từ gia đình; hỗ trợ của cộng đồng, dòng họ, các tổ chức, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo,...) và đóng góp ủng hộ bằng ngày công lao động của nhân dân giúp các hộ gia đình người có công với cách mạng xây mới, sửa chữa, cải tạo nhà ở đảm bảo ổn định, an toàn.

- Tổng số nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng (*Đảm bảo 3 cứng; niên hạn sử dụng trên 20 năm; các công trình phụ trợ được bố trí đảm bảo hợp vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt*) là 23.952/24.666 nhà, đạt 97,1%.

- Trên địa bàn 13/13 xã thuộc huyện hiện nay không có nhà tạm, dột nát.

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Nhà ở dân cư.*



*Hộ gia đình Ông Nguyễn Bá Ngọ, xóm Cống Đồn, xã Cổ Lũng*



*Hộ gia đình ông Trần Anh Tuấn, xã Cổ Lũng*

### **2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo**

#### **2.3.1. Về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản:**

Huyện Phú Lương xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất an toàn, hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tập trung phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung với các sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế và sức cạnh tranh cao; Thực hiện tốt chương trình sản xuất lương thực, xây dựng mỗi xã, thị trấn một sản phẩm mang tính đặc trưng của địa phương. Tiếp tục xác định phát triển cây chè là cây trồng

mũi nhọn trong phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện; tập trung phát triển cây chè theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, ưu tiên phát triển vùng chè đặc sản; xây dựng, quảng bá thương hiệu Trà Phú Lương. Tiếp tục phát triển mạnh ngành chăn nuôi tập trung, ứng dụng khoa học - công nghệ gắn với an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. Phát triển chăn nuôi đa dạng, theo hướng sản xuất hàng hoá. Khai thác và sử dụng có hiệu quả diện tích mặt nước để phát triển đa dạng các hình thức chăn nuôi thủy sản. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế đồi rừng, nâng cao hiệu quả rừng sản xuất, rừng gỗ lớn.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 đạt 1.416,4 tỷ đồng tăng 596,42 tỷ đồng so với năm 2011.

- Về nông nghiệp:

+ Trồng trọt: Giá trị sản phẩm/ha đất trồng trọt đạt 122 triệu đồng. Tổng diện tích cây lương thực có hạt 6.437,85 ha, sản lượng cây lương thực có hạt ước đạt 32.651 tấn; diện tích rau màu hàng năm trên 841,52 ha, sản lượng rau đạt 14.489 tấn; diện tích cây ăn quả 415,3 ha, diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP 80,9 ha; diện tích chè 4.104,4 ha, sản lượng chè búp tươi 47.406 tấn, diện tích chè giống mới chiếm 70% diện tích, diện tích chè được chứng nhận mới, chứng nhận lại theo tiêu chuẩn VietGAP 1.400 ha, chè hữu cơ là 34 ha. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 459,3 tỷ đồng.

+ Chăn nuôi: Huyện có 6.462 cơ sở chăn nuôi, trong đó có 26 cơ sở chăn nuôi đạt tiêu chuẩn VietGAP. Tổng đàn gia cầm đạt 1,7 triệu con, đàn lợn 50.000 con; đàn trâu, bò trên 6.000 con; sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 16.646 tấn. Giá trị sản xuất chăn nuôi đạt 556 tỷ đồng.

+ Dịch vụ: Giá trị sản xuất ngành Dịch vụ đạt 212,9 tỷ đồng.

- Về lâm nghiệp: Tổng diện tích đất lâm nghiệp 16.540 ha, trong đó: rừng phòng hộ 2.899 ha, rừng sản xuất 13641 ha. Tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC là 5.163,02 ha với 3.653 hộ tham gia Yên Đỗ 1.846,2 ha; Yên Lạc 1.001,24; Yên Đỗ 1.009,81 ha; Yên Trạch 1.205,25 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 41,5%. Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đạt 141,2 tỷ đồng.

- Về thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng 700 ha, sản lượng đạt 1.644 tấn. Giá trị sản xuất thủy sản đạt 47 tỷ đồng.

2.3.2. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

- Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường. Rà soát, cân đối, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tài nguyên đảm bảo cho phát triển mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Khai thác có hiệu quả các nguồn lực, nhằm đẩy mạnh phát triển CN-TTCN, từng bước tạo cơ cấu giá trị sản xuất vững chắc trong cơ cấu kinh tế. Tạo môi trường thuận lợi thu hút các nhà đầu tư vào các cụm công nghiệp trên địa bàn. Chú trọng phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề ở khu vực nông thôn gắn với phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Trên địa bàn huyện Phú Lương được phê duyệt tổng diện tích quy hoạch Cụm Công nghiệp thời kỳ 2021-2030 là 208,6ha, gồm: Cụm



công nghiệp Yên Lạc, diện tích quy hoạch 40 ha; Cụm công nghiệp Yên Ninh, diện tích quy hoạch 28 ha; Cụm công nghiệp Bá Sơn, diện tích quy hoạch 50 ha; Cụm công nghiệp cầu Bình, diện tích quy hoạch 35,6 ha; Cụm công nghiệp Cổ Lũng, diện tích quy hoạch 55 ha.

- Kết quả đến nay, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch mạnh mẽ, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ phát triển; Giá trị sản xuất công nghiệp địa phương (năm 2024) ước đạt 681,1 tỷ đồng, tăng 450,8 tỷ đồng so với năm 2011; tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ xã hội (năm 2024) ước đạt 2.775,5 tỷ đồng, tăng 2.379,5 tỷ đồng so với năm 2011.

- Giá trị sản xuất ngành dịch vụ kinh tế chủ yếu năm 2024 (theo giá hiện hành) ước đạt 1.194,4 tỷ đồng.

*2.3.3. Về thu nhập bình quân đầu người/năm và tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn:*

- Tập trung chỉ đạo khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện, thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế. Trong đó, tập trung khuyến khích người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, tăng cường đầu tư cơ giới vào sản xuất để nâng cao năng suất và hiệu quả lao động. Nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ. Phát triển các HTX, ngành nghề nông thôn hoạt động có hiệu quả, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ và du lịch. Triển khai thực hiện tốt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, kịp thời hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện được tiếp cận đầy đủ với các dịch vụ xã hội cơ qua đó giúp các hộ thoát nghèo bền vững. Tăng cường công tác giải quyết việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, phát triển ngành nghề nhằm nâng cao thời gian sử dụng lao động ở nông thôn; nâng cao năng suất lao động và nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Kết quả đến nay, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn của huyện (năm 2024) đạt 53,5 triệu đồng/người, tăng 40,7 triệu đồng so với năm 2011; tỷ lệ nghèo đa chiều bình quân chung của các xã (kết quả rà soát cuối năm 2024) 2,95% (đã trừ số hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều không có khả năng lao động).

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí thu nhập và nghèo đa chiều.*

*2.3.4. Về lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ:*

Xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện. Hàng năm giải quyết việc làm mới cho trên 2.000 lao động, đào tạo nghề cho trên 1.000 lao động. Đến nay, tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ) bình quân chung của các xã đạt 74,9%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ) bình quân chung của các xã đạt 36,7%.

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Lao động.*



*Công nhân đóng gói sản phẩm tại Hợp tác xã nông sản Phú Lương*

#### *2.3.5. Về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:*

- Toàn huyện có 82 hợp tác xã nông nghiệp, 100% các xã có ít nhất từ 01 HTX trở lên hoạt động hiệu quả, có tham gia vào chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực, đặc biệt là tiêu thụ sản phẩm. Các HTX hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã. Bình quân thu nhập các thành viên đạt 50 triệu đồng/người/năm. Trong đó phải kể đến một số HTX nông nghiệp tiêu biểu của huyện có doanh thu bình quân hàng năm cao như HTX dịch vụ nông nghiệp Ngọc Anh (xã Yên Lạc) có doanh thu trên 30 tỷ đồng, HTX nông sản Ôn Lương có doanh thu trên 3 tỷ đồng, các HTX tạo việc làm cho hàng trăm lao động, tạo công ăn việc làm, góp phần xây dựng nông thôn mới...

- Có 13/13 xã có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm đối với các sản phẩm chủ lực của huyện như sản phẩm Chè, lúa gạo, dược liệu... trong đó: Có 03 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị chè điển hình, gồm: Mô hình liên kết sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm chè theo quy trình thâm canh chè hữu cơ tại xóm Góc Gạo, xã Tứ Trưng; Mô hình liên kết sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm chè theo quy trình thâm canh chè hữu cơ tại xóm Minh Hợp, xóm Khe Cốc, xã Tứ Trưng; dự án liên kết phát triển sản xuất chế biến kinh doanh chè theo chuẩn hữu cơ tại xã Ôn Lương. Quy mô liên kết trên 140,6 ha, với trên 400 hộ tham gia, sản lượng chè búp tươi đạt khoảng 1.680 tấn, doanh thu đạt trên 56 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt từ 100-120 triệu đồng/người/năm, giá trị sản phẩm/ha đất trồng chè đạt trên 400 triệu đồng/ha/năm. Một số sản phẩm của các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ chè đã được công nhận đạt sao OCOP từ 3 sao đến 4 sao.

Nhờ áp dụng kỹ thuật sản xuất an toàn mà chất lượng chè ngày càng được nâng lên, góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất... Năm 2021, nhãn hiệu chứng nhận “Chè Phú Lương” được Cục Sở hữu trí tuệ cấp chứng nhận. Việc được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ “Chè Phú Lương” có ý

nghĩa trong việc xây dựng thương hiệu, nâng cao uy tín, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chè Phú Lương trên thị trường, ngoài ra huyện tiếp tục duy trì và phát triển nhãn hiệu tập thể “Chè Túc Tranh”, “Chè Vô Tranh”. Hiện nay đã có trên 20 đơn vị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Chè Phú Lương”, nhãn hiệu tập thể “Chè Túc Tranh”, “Chè Vô Tranh”, các sản phẩm chè sau khi đăng ký sử dụng nhãn hiệu đã góp phần gia tăng giá trị sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

- 100% các xã có ít nhất từ 01 sản phẩm chủ lực như Chè, lúa gạo, cây ăn quả, gà, lợn... được thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm, các sản phẩm chủ lực được sản xuất theo quy trình Vietgap, các cơ sở sản xuất kinh doanh được ký cam kết, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

- Toàn huyện có 45 làng nghề, làng nghề chè truyền thống với trên 3.000 hộ gia đình làm nghề tại địa bàn 5 xã, thị trấn. 100% các làng nghề thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường. Hàng năm, các xã, thị trấn đã xây dựng và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống nhằm giữ gìn, phát huy bản sắc truyền thống đồng thời thúc đẩy phát triển sản xuất, gia tăng giá trị sản phẩm, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

- 100% các xã đã thành lập tổ khuyến nông cộng đồng, thực hiện tốt các nhiệm vụ như: Chuyển giao công nghệ, khuyến nông; Hỗ trợ, tư vấn phát triển Tổ hợp tác, HTX; Hỗ trợ thị trường và liên kết chuỗi giá trị... Mặc dù mới được thành lập, nhưng các Tổ khuyến nông cộng đồng đã bước đầu hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả hệ thống khuyến nông cơ sở.



*Cảnh đồng lúa nếp Vải xã Ôn Lương*





*Đồi chè xã Yên Lạc*



*Mô hình bưởi diên tại xã Trục Tranh*





*Cánh đồng lúa Làng Hin - Phần Mễ*



*Mô hình gà thả vườn xã Yên Đổ*





*Mô hình nuôi gà an toàn tại xã Yên Trạch*

\* *Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn*

#### ***2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:***

*2.4.1. Về giáo dục và đào tạo:* Tổ chức thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; thường xuyên kiện toàn, củng cố Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; phân công giao nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể. Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và vận hành tốt hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Công tác khuyến học, khuyến tài, xã hội hóa giáo dục luôn được quan tâm và đạt kết quả tốt. Hội khuyến học huyện duy trì hoạt động có hiệu quả, số vốn quỹ lớn, động viên kịp thời phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt” qua Quỹ khuyến học của các xã, kịp thời động viên, tạo cơ hội cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn được vững bước đến trường.

Hàng năm, huyện Phú Lương đã ban hành Kế hoạch chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đưa trẻ đến trường”, huy động trẻ bỏ học, trẻ có hoàn cảnh khó khăn ra lớp. Kịp thời động viên về mặt vật chất lẫn tinh thần tạo điều kiện để các em yên tâm học hết lớp, hết cấp. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, đề xuất kiểm tra công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hằng năm. Đã xác định mức độ đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đúng theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “Giáo dục



hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông”. Đã phối kết hợp với các ban ngành trong việc tổ chức tư vấn hướng nghiệp, việc làm cho học sinh phổ thông. Kết quả:

- 13/13 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Trung tâm học tập cộng đồng các xã được đánh giá xếp loại tốt 9/13 đơn vị, đạt tỷ lệ 69,2%, xếp loại khá 4/13 đơn vị, chiếm tỷ lệ 30,8%.

- Kết thúc năm học 2023-2024: Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 99,9% (1619/1621 học sinh). Tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi tiếp tục học trung học (*phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp*) đạt 90,46% (5403/5973 học sinh).

#### 2.4.2. Về y tế:

Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế Quốc gia, chương trình y tế trọng điểm, nâng cao chất lượng tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế. Huy động mọi nguồn lực, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ tốt việc khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân nông thôn. Tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT... Kết quả cụ thể:

- 100% các xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế. Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công nhận 15 xã, thị trấn thuộc huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030.

- Tính đến tháng 12/2024, số người tham gia BHYT đạt 94.010/96.968 người, đạt tỷ lệ 96,95%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi chiều cao theo độ tuổi toàn huyện Phú Lương là 8,8% (<24%).

- Tỷ lệ dân số đăng ký cài đặt sổ sức khỏe điện tử đạt 69,45%, trong đó 15/15 xã, thị trấn có tỷ lệ đạt trên 50% trở lên (tính đến 27/10/2024).

\* *Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Y tế.*

#### 2.4.3. Về văn hóa:

- 100% các xã đều xây dựng và triển khai thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” và phong trào thi đua: “Phú Lương chung sức xây dựng NTM”.

- Toàn huyện có 13/13 xã, đạt 100% thực hiện tốt việc đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, xóm (tổ dân phố) văn hóa theo Nghị định số 86/2023/NĐ-CP, ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ

tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”; Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND, ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Thôn, tổ dân phố văn hoá”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Hướng dẫn số 3538/HD-SVHTTDL, ngày 24/10/2024 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Năm 2024, toàn huyện có 96,4% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 100% xóm, tổ dân phố đạt danh hiệu xóm, tổ dân phố văn hóa.

- Hiện nay, huyện có 80 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, TDTT hoạt động thường xuyên. Các xóm đều có câu lạc bộ văn nghệ duy trì hoạt động thường xuyên, thu hút sự tham gia của đông đảo người dân, tạo thành phong trào văn nghệ, thể thao rộng khắp, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần của người dân. Toàn huyện có trên 30% dân số thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao; trên 25% gia đình thể thao; 100% cán bộ, chiến sỹ quân đội, công an Nhân dân thường xuyên tập luyện thể thao, rèn luyện thân thể. Có 100% các xóm xây dựng hương ước, quy ước được UBND xã phê duyệt theo quy định. Nội dung hương ước, quy ước của các xóm được niêm yết tại nhà văn hóa xóm và được phổ biến đến toàn thể hộ gia đình trong xóm, lồng ghép trong thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

- 100% các xã đều xây dựng được mô hình, câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình và địa chỉ tin cậy tại cộng đồng. Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn huyện Phú Lương không xảy ra các vụ bạo lực gia đình bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý hình sự.

- 100% các xóm xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Văn hóa.*



*Di sản phi vật thể Quốc gia - Múa Tắc xình của dân tộc Sán Chay*

#### 2.4.3. Về môi trường và an toàn thực phẩm:

- Trên địa bàn 13 xã có 24 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung được quản lý vận hành theo quy định, trong đó 03 công trình do Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh quản lý, 21 công trình do các tổ chức và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện quản lý cung cấp nước sạch cho 4.009 hộ dân trên địa bàn các xã. Ngoài ra các hộ dân còn sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước nhỏ lẻ như giếng khơi, giếng khoan... được xử lý qua các máy lọc nước đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Đến nay, các xã có 13.400 hộ/24.223 hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn, đạt 55,36%, trong đó có 3.965 hộ/24.223 hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt 16,36%.

- Hàng năm, huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch tuyên truyền, rà soát, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề, kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định. Đến nay, 100% các cơ sở, làng nghề tại các xã đều đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (có 158/158 cơ sở thuộc đối tượng đã lập hồ sơ bảo vệ môi trường theo quy định; 46/46 làng nghề được phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề).

- 100% các xã có cảnh quan, không gian xanh-sạch-đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung. Các tuyến đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ và được trang bị, bố trí thùng đựng rác hợp lý là 128,5 km; Số km kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ 320,8 km; 139/139 hồ, ao, đầm được gắn biển cảnh báo tại nơi có nguy cơ mất an toàn và được phát quang tạo cảnh quan sinh thái thường xuyên; Số hộ gia đình thực hiện chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ, vườn phù hợp đảm bảo cảnh quan môi trường đạt 84,1%. Qua đó cảnh quan tại các xã, trụ sở các cơ quan,

đơn vị trên địa bàn luôn được chỉnh trang, chăm sóc nhằm tạo mỹ quan sáng-xanh-sạch-đẹp, an toàn.

- Tại các điểm dân cư nông thôn và các khu công cộng của các xã được trồng các loại cây xanh như cây bóng mát, cây lâm nghiệp, cây ăn quả lâu năm. Tỷ lệ đất cây xanh bình quân tại các xã đạt 4,6 m<sup>2</sup>/người.

- Trên địa bàn 13 xã có 89 nghĩa trang, tổng diện tích đất nghĩa trang trên địa bàn huyện là 73,7ha. Hiện nay, 13/13 xã đã ban hành quy chế quản lý nghĩa trang phù hợp với quy hoạch, đồng thời thực hiện quản lý theo quy chế. Việc mai táng phù hợp với tín ngưỡng và phong tục tập quán, truyền thống văn hóa, nếp sống văn minh, đảm bảo vệ sinh môi trường và tuân thủ đúng theo các quy định hiện hành.

- Việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn 13 xã nông thôn mới được thực hiện bởi Ban quản lý Môi trường - Đô thị huyện. 13/13 xã đã xây dựng phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phê duyệt theo quy định. Kết quả tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn 13 xã được thu gom, xử lý theo quy định trung bình là 14.571,5/18.140,3 tấn/năm, đạt 80,3%; Một số ít hộ dân ở các khu vực dân cư thưa thớt, không tập trung nên chưa tổ chức thu gom được tập trung, UBND các xã đã tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân phân loại và thực hiện các biện pháp xử lý chất thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế của gia đình, địa phương như đào hố xử lý chất thải hữu cơ hay tận dụng thức ăn thừa, ra củ quả, chất thải hữu cơ khác làm thức ăn cho chăn nuôi.

- Công tác thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn huyện được tổ chức thực hiện tốt theo quy định tại Hướng dẫn liên ngành số 4305/HD-STNMT-SNNPTNT ngày 22/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đến nay, trên địa bàn các xã đã bố trí 1.208 bể chứa bằng bê tông, có nắp đậy để gom chứa các vỏ chai, vỏ gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng, tránh tình trạng người dân vứt bỏ ngoài đồng sau khi sử dụng. Hàng năm, UBND huyện đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để tổ chức thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Năm 2024, ký hợp đồng với Công TNHH dịch vụ môi trường Anh Đăng để thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng trên địa bàn huyện là 14.914kg /14.914 kg, đạt tỷ lệ 100%.

- Năm 2024 khối lượng rác thải y tế phát sinh tại các trạm y tế xã là 179,6 kg, được phân loại, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định về quản lý chất thải y tế (đạt 100%).

- Có 21.301/24.223 hộ gia đình đảm bảo 3 chỉ tiêu (*có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh*) đạt tỷ lệ 87,9%; 20.436/24.223 hộ gia đình đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) đạt 84,3%.

- Trên địa bàn các xã có 5.112/6.462 cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường đạt tỷ lệ 79,10%.

- Trên địa bàn các xã có 6.699/6.699 cơ sở là doanh nghiệp, HTX, THT, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%.

- Đến nay, tỷ lệ hộ gia đình cam kết thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn các xã là 24.223/24.223 hộ, số hộ thực hiện là 18.874/24.223 hộ, đạt tỷ lệ 77,9%.

- Theo kết quả tổng hợp của các xã cho thấy: Chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng và bán cho các cơ sở thu mua để tái chế trung bình là 745 tấn/năm (tổng số lượng chất thải nhựa phát sinh trên toàn địa bàn là 981,7 tấn/năm) đạt tỷ lệ 75,9% tổng khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn.

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm.*

## **2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:**

### **2.5.1. Xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:**

- Quan tâm công tác tuyển dụng đảm bảo yêu cầu của vị trí việc làm, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, về lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức các xã, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đến nay 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.

- 100% Đảng bộ, chính quyền các xã được xếp loại chất lượng Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, cụ thể: 01/12<sup>4</sup> xã được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 11/12 xã được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- 100% các tổ chức chính trị - xã hội của các xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên <sup>(5)</sup>.

- 100% các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. Công tác chỉ đạo và thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện

<sup>4</sup> Sát nhập xã Phấn Mễ từ tại Nghị quyết số 1240/NQ-UBTVQH15, ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/12/2024 huyện Phú Lương còn 12 xã, và 02 thị trấn.

<sup>5</sup> Cụ thể: Có 6/12 đơn vị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 06/12 đơn vị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Hội Liên hiệp phụ nữ: Có 2/12 đơn vị Hội Liên hiệp phụ nữ xã được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 10/12 đơn vị Hội Liên hiệp phụ nữ xã được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Hội Cựu chiến binh: Có 5/12 đơn vị Hội Cựu chiến binh xã được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 7/12 đơn vị Hội Cựu chiến binh xã được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Hội Nông dân: Có 02/12 đơn vị Hội Nông dân xã được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 10/12 đơn vị Hội Nông dân xã được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Đoàn thanh niên: Có 3/12 đơn vị Đoàn thanh niên xã được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 9/12 đơn vị Đoàn thanh niên xã được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.



thường xuyên, đi vào nền nếp, đảm bảo theo đúng quy định. UBND huyện đã đánh giá và quyết định công nhận 15/15 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- 43% các xã có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy xã hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã. Có ít nhất 30% phụ nữ tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường). Tại các xã không xảy ra tình trạng tảo hôn, cưỡng ép kết hôn. Mỗi xã có ít nhất 01 địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh ở cộng đồng. 100% các xã có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách. 100% các xã có ban chỉ đạo công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được trợ giúp bảo đảm đạt 90,5% trở lên. 100% số vụ việc trẻ em bị xâm hại được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời theo quy định.

- 100% các xã đã xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển xóm. Kết quả đã có trên 15.000 lượt người dân được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về xây dựng NTM.

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.*

### **2.5.2. Công tác quốc phòng, an ninh trật tự:**

- Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được tăng cường, chỉ đạo gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; hằng năm đều hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân.

- Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội được thực hiện có hiệu quả. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được đẩy mạnh; Lực lượng Công an từ huyện đến cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành pháp luật, tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ. Trên địa bàn huyện Phú Lương hiện nay đang duy trì có hiệu quả hoạt động của 15 loại mô hình tự quản thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở, gồm: 191 Tổ an ninh nhân dân, 191 Tổ hòa giải, 191 Đội dân phòng, 61 Tổ liên gia phòng cháy chữa cháy, 05 mô hình đảm bảo ANTT và Phòng cháy chữa cháy, 106 điểm chữa cháy công cộng, 13 mô hình camera giám sát an ninh, 34 mô hình “Công trường an toàn giao thông”, 03 mô hình “Nhân dân chung sức đẩy lùi tệ nạn ma túy và phòng chống tội phạm”, 09 mô hình “Dân vận khéo trong lực lượng Công an nhân dân”, 01 mô hình “Đảm bảo an ninh, trật tự và giữ bình yên quê hương”, 07 mô hình “Liên kết đảm bảo ANTT”, 01 mô hình “Khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường và đảm bảo

ANTT”, 03 mô hình “Tuyến đường xanh sạch đẹp”, 02 mô hình “Tổ tuần tra Nhân dân”.

Qua công tác sơ kết, tổng kết đánh giá chất lượng hoạt động của 878 mô hình, tổ chức quần chúng thực hiện công tác đảm bảo ANTT tại cơ sở, nhìn chung các mô hình đang phát huy được hiệu lực hiệu quả, giúp lực lượng Công an giải quyết nhiều vụ việc xảy ra tại cơ sở, không để phát sinh điểm nóng, khiếu kiện vượt cấp... Hạn chế đến mức thấp nhất mâu thuẫn xảy ra trong nội bộ Nhân dân. Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, tuần tra kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội ổn định, phạm pháp hình sự, tai nạn giao thông hằng năm đều giảm.

*\* Kết quả đánh giá: 13/13 xã đạt chuẩn tiêu chí Quốc phòng và an ninh.*

**3. Kết quả thực hiện xây dựng xã NTM nâng cao:** Huyện có 03 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao (*Cổ Lũng, Tức Tranh, Vô Tranh*). Kết quả thực hiện như sau:



*Xã Tức Tranh công bố xã NTM kiểu mẫu*

### **3.1. Tiêu chí số 01 về Quy hoạch**

- 03/03 xã có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt điều chỉnh theo quy định (*thời gian phê duyệt điều chỉnh năm 2021 - 2023*), được công bố, công khai đúng quy định. Đã xây dựng quy định quản lý hoạch làm cơ sở triển khai, đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

- 03/03 xã có quy hoạch chi tiết khu dân cư dân cư nông thôn được phê duyệt còn thời hạn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và định hướng đô thị hóa theo quy định.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Quy hoạch.*

### **3.2. Tiêu chí số 02 về Giao thông:**

- *Đường trục xã, liên xã:* 03 xã đã thực hiện nhựa hóa, bê tông hóa được 21 tuyến với tổng chiều dài 49,301Km/49,301Km, đạt tỷ lệ 100%; các tuyến đường trục xã, liên xã trong huyện chủ yếu là đường GTNT loại A một số tuyến

đạt tiêu chuẩn đường cấp VI-MN; 100% đường từ trung tâm xã đến đường huyện đều được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo nền đường rộng tối thiểu từ 5,0m trở lên, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m trở lên đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện, an toàn quanh năm.

- *Đường trục xóm, liên xóm*: 03 xã đã thực hiện cứng hoá được 64 tuyến với tổng chiều dài 65,875Km/65,875Km đạt tỷ lệ 100%; các tuyến đường trục xóm chủ yếu là đường GTNT loại A, loại B đảm bảo nền đường rộng tối thiểu 4,5m trở lên, mặt đường rộng tối thiểu 3,0m trở lên, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường ngõ, xóm*: 03/03 xã đã thực hiện cứng hoá được 134 tuyến với tổng chiều dài 54,646Km/54,646Km đạt 100%; các tuyến đường ngõ xóm chủ yếu đảm bảo nền đường rộng tối thiểu 4,0m trở lên, mặt đường rộng tối thiểu 3,0m trở lên; các tuyến đã đảm bảo thoát nước không gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa, phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường nội đồng*: 03 xã đã cứng hóa được 75 tuyến với tổng chiều dài 18,163Km/18,163Km đạt tỷ lệ 100%; nền đường rộng tối thiểu 4,0m trở lên, mặt đường rộng tối thiểu 3,0m trở lên. Các tuyến đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

*\* Kết quả đánh giá: 3/3 xã đạt tiêu chí Giao thông.*

### **3.3. Tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai:**

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động của 03 xã đều đạt trên 90%.

- 03/03 xã có tổ chức thủy lợi cơ sở và tổ thủy nông thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn.

- Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực bình quân 03 xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 36,6%, trong đó: Xã Tứ Tranh 70%, xã Vô Tranh  $\geq 20\%$ , xã Cổ Lũng  $\geq 20\%$ .

- 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng tại 03 xã đều được bảo trì hằng năm; các hạng mục công trình được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ đạt 100% so với kế hoạch.

- 03/03 xã đều tiến hành kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi, tăng cường công tác kiểm tra, quản lý tốt các tổ chức, cá nhân thải xả vào công trình thủy lợi.

- 03/03 xã đã thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm cứu nạn cấp xã. Chuẩn bị đầy đủ vật tư, trang thiết bị và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm

cứu nạn tại các xã. Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động có hiệu quả theo phương châm 4 tại chỗ.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt chuẩn tiêu chí Thủy lợi và phòng, chống thiên tai.*

### **3.4. Tiêu chí số 04 về Tiêu chí Điện:**

Đến nay, huyện Phú Lương có 03 xã đạt tiêu chí số 4 về điện đối với xã nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, gồm các xã: Cổ Lũng, Vô Tranh, Túc Tranh.

- Hệ thống các trạm biến áp phân phối, các đường dây trung áp, đường dây hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn 03 xã (gồm: 61,66 km đường dây trung thế; 145,661 km đường dây hạ thế; 81 TBA với tổng công suất 19.230 kVA; 9.399 công tơ điện).

- Hệ thống các trạm biến áp phân phối, các đường dây trung áp, đường dây hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân trên địa bàn 03 xã nâng cao được ngành điện đầu tư đồng bộ đảm bảo đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: 7.572 hộ/7.572 hộ, đạt 100%.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí nâng cao về Điện.*

### **3.5. Tiêu chí số 05 về Giáo dục:**

- Trên địa bàn 03 xã NTM nâng cao có 09 trường học từ cấp học mầm non đến Trung học cơ sở (03 trường Mầm non, 03 trường Tiểu học và 03 trường Trung học cơ sở). 9/9 trường đều được UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, 04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2); Về tiêu chuẩn cơ sở vật chất: Có 5/9 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, chiếm tỷ lệ 55,6%; 4/9 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2, đạt tỷ lệ 44,4%.

- 03/03 xã thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học đạt tỷ lệ 100%.

- 03/03 xã đã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 theo Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND huyện Phú Lương

- 03/03 xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND huyện Phú Lương

- 03/03 xã có “Cộng đồng học tập” và được xếp loại tốt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- 03/03 xã có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng và sức bền.

- Học sinh tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn 03 xã tham gia các câu lạc bộ, đều được đánh giá rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền mức độ tốt, đặc biệt các cơ sở đều có học sinh tham gia và đạt giải các nội dung thi trong Hội khỏe Phù đồng do huyện và tỉnh tổ chức hằng năm.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Giáo dục.*

### **3.6. Tiêu chí số 06 về Văn hóa:**

Các xã Vô Tranh, Tứ Tranh, Cổ Lũng đều lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng phù hợp, trong đó: xã Vô Tranh 13 bộ, xã Tứ Tranh 07 bộ, xã Cổ Lũng 08 bộ. Hằng năm, các xã đều đảm bảo tổ chức hội nghị, tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ chính trị; cuộc liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng và cuộc thi thể dục thể thao; duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, câu lạc bộ dưỡng sinh... thu hút trên 65% người dân tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, trên 30% người dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên. Phòng đọc sách, Thư viện các xã được trang bị đầy đủ các loại sách thường xuyên luân chuyển sách giữa các xóm đạt từ trên 1500 lượt/năm trở lên phục vụ nhu cầu đọc của Nhân dân.

Di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện Phú Lương được quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định của Luật Di sản văn hóa cùng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND, ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. 100% các di tích đều thành lập Ban quản lý theo quy định; trong đó, UBND huyện ban hành quyết định thành lập Ban quản lý đối với các di tích xếp hạng; UBND xã ban hành quyết định thành lập đối với các di tích trong diện kiểm kê.

Về lĩnh vực Di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện Phú Lương được quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định của Luật Di sản văn hóa cùng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND, ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. 100% các di tích đều thành lập Ban quản lý theo quy định; trong đó, UBND huyện ban hành quyết định thành lập Ban quản lý đối với các



di tích xếp hạng; UBND xã ban hành quyết định thành lập đối với các di tích trong diện kiểm kê. Năm 2023, UBND huyện phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên hoàn thành việc kiểm kê di tích trên địa bàn huyện là 111 di tích. Năm 2024 đề nghị đưa vào danh mục kiểm kê di tích: 87 di tích (*di tích lịch sử: 82; di tích danh thắng: 05*), đề nghị đưa ra khỏi danh mục kiểm kê di tích: 25 di tích (*di tích lịch sử: 23; di tích danh thắng: 02*). Hiện nay trên địa bàn có 24 diễm di tích đã được xếp hạng (*05 di tích cấp Quốc gia, 19 di tích cấp tỉnh*). Tiếp tục thực hiện tốt các nội dung về bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy các giá trị các di sản văn hóa đúng quy định (*sửa chữa, cải tạo tu bổ 11 Di tích trị giá trên 15 tỷ đồng*).

Về di sản văn hóa phi vật thể: Năm 2013, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên đã phối hợp với UBND huyện Phú Lương thực hiện kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn huyện Phú Lương, đến nay trên địa bàn huyện có 06 di sản văn hóa được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, cụ thể: Lễ hội Đền Đuôm (*xã Đông Đạt*), Lễ hội Cầu Mùa (*xã Phú Đô, xã Yên Lạc, xã Yên Ninh, xã Yên Đổ*), Múa Tắc Xình (*xã Vô Tranh, xã Tứ Tranh*), Hát Sắng Cọ, Nghệ thuật Khèn của người Mông, Hát Pả Dung của người Dao (*xã Yên Ninh, xã Yên Đổ*). Đặc biệt, “Thực hành Then của người Tày” ở Thái Nguyên cùng một số tỉnh chính thức được UNESCO đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và Phú Lương vinh dự là một trong những địa phương có phân bố di sản đồng thời là địa bàn tư liệu hóa di sản khi xây dựng hồ sơ tại Thái Nguyên. Trên địa bàn huyện Phú Lương không xảy ra tình trạng xâm hại di tích; không làm sai lệch giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Hiện nay trong toàn huyện có 02 nghệ nhân được tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể là ông Vi Văn Cải (*xã Phú Đô*); ông Hầu Văn Tĩnh (*xã Tứ Tranh*).

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh đã mang lại hiệu quả thiết thực. Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia xây dựng nếp sống văn minh, văn hóa cộng đồng được chú trọng, chất lượng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa nông thôn mới từng bước được nâng lên, đời sống văn hóa tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện. Năm 2024, có 59/59 xóm trên địa bàn 03 xã Vô Tranh, Tứ Tranh, Cổ Lũng được UBND huyện quyết định công nhận danh hiệu văn hóa tại Quyết định số 2697/QĐ-UBND, ngày 26/11/2024 về việc công nhận danh hiệu xóm, tổ dân phố văn hóa năm 2024.

\* *Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Văn hóa.*

**3.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:** Trong 03 xã nông thôn mới nâng cao có 02 xã có chợ nông thôn (*Chợ Túc Tranh, chợ Vô Tranh*), đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm và 01 xã không có chợ (xã Cổ Lũng) có các cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt yêu cầu theo quy định. Cụ thể:

- Chợ Vô Tranh, chợ Túc Tranh đảm bảo về vị trí, địa điểm, bố trí, hệ thống chiếu sáng, nước sử dụng trong chợ và hệ thống thoát nước, khu bán gia cầm sống và khu giết mổ gia cầm, an toàn phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường, nhà vệ sinh đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017.

- Đối với xã Cổ Lũng không có chợ nông thôn, tuy nhiên hệ thống cửa hàng kinh doanh tiện ích, tổng hợp phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân có nơi mua bán, trao đổi hàng hóa. Các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, tiện ích đều đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 1327/QĐ-BCT, ngày 03/6/2024 của Bộ Công Thương.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn*

**3.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông:**

- Hiện 03 xã Vô Tranh, Túc Tranh, Cổ Lũng có bưu điện văn hóa xã được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho việc tổ chức cung ứng và phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ công trực tuyến cho người dân, đảm bảo trang bị về máy vi tính, máy in, cân ...

- Hiện 03 xã nông thôn mới nâng cao đều có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt trên 90%. Trong đó, xã Cổ Lũng 7.520/7.924 người đạt tỷ lệ 95%, xã Vô Tranh đạt 5.132/5.143 người đạt tỷ lệ 99,8%, xã Túc Tranh đạt 6.238/6.474 người đạt tỷ lệ 96,35%.

- 100% các xóm thuộc 03 xã đều có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet (*dịch vụ điện thoại cố định, dịch vụ thông tin di động*) theo quy chuẩn Quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định; có điểm cung cấp xuất bản phẩm tại các điểm thư viện hoặc phòng đọc sách báo phục vụ Nhân dân của xã.

- 03/03 xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

+ Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã Vô Tranh đạt  $4549/4781 = 95,1\%$ ; xã Túc Tranh đạt  $3170/3207 = 98,8\%$ ; xã Cổ Lũng đạt  $6547/6851 = 95,6\%$ .

+ 100% cán bộ, công chức khối hành chính 03/03 xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin.

+ 03/03 xã đều tổ chức các lớp phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản cho người dân trong độ tuổi lao động bằng hai hình thức mở lớp trực tiếp và trực tuyến; đồng thời thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh xã, cụm loa FM các xóm, qua Tổ công nghệ số cộng đồng và tuyên truyền tại hộ gia đình. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản của xã Cổ Lũng đạt 77,6%, xã Túc Tranh đạt 85%, xã Vô Tranh đạt 70%.

- Các xã Vô Tranh, Túc Tranh, Cổ Lũng đã xây dựng chuyên mục du lịch trên trang thông tin điện tử của xã; thường xuyên đăng tải các tin, bài quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội; quảng bá các sản phẩm OCOP như: Tâm trà Khe Cốc 4 sao; Trà túi lọc 3 sao; Trà tâm nồn 4 sao; Trà móc câu 3 sao; Trà xanh 3 sao; Trà nồn Thái Ninh 3 sao; Bắc thái trà 3 sao và 01 điểm du lịch cộng đồng xóm Đồng Tâm xã Túc Tranh; Bánh trung Bờ Đậu, xã Cổ Lũng; Bài viết giới thiệu về di tích lịch sử cấp tỉnh Nơi an án nhà yêu nước Lương Ngọc Quyến trên trang thông tin điện tử của xã Vô Tranh...

- 03/03 xã đều tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới với 100% số xóm trên địa bàn và đều đảm bảo tỷ lệ số người dân tham gia ý kiến theo quy định; tỷ lệ các ý kiến hài lòng của người dân đối với các nội dung xin ý kiến đều đảm bảo cao hơn tỷ lệ theo quy định.

- 03/03 xã đã lắp đặt mạng wifi miễn phí tại Trung tâm văn hoá, trụ sở UBND xã, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã, Trạm y tế xã; nhà văn hóa xóm, thiết bị wifi miễn phí được lắp đặt đáp ứng cho trên 100 người dùng, phạm vi phủ sóng 150m, băng thông đường truyền từ 45 Mbps-60 Mbps, đáp ứng chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác đảm bảo an toàn thông tin mạng.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Thông tin và truyền thông*

### **3.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư:**

- Hiện nay trên địa bàn 03 xã Túc Tranh, Vô Tranh, Cổ Lũng không có nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng tại các xã nâng cao trên địa bàn huyện Phú Lương đều đạt trên 90%, trong đó: Xã Cổ Lũng đạt 100%; xã Vô Tranh đạt 99,52%; xã Túc Tranh đạt 99,91%.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Nhà ở dân cư.*

**3.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập:** Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 của 03 xã đều đạt vượt chỉ tiêu yêu cầu tiêu chí, cụ thể: Xã Cổ Lũng đạt 65,12 đồng/người/năm; Vô Tranh 64,05 triệu đồng/người/năm; Túc Tranh 64,52 triệu đồng/người/năm.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Thu nhập.*

**3.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều:** 03/03 xã có tỷ lệ nghèo đa chiều đạt chuẩn theo quy định tiêu chí, trong đó: Xã Túc Tranh đạt 2,97%; xã Vô Tranh đạt 4,24%; xã Cổ Lũng 1,71%.

\* *Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Nghèo đa chiều.*

### **3.12. Tiêu chí số 12 về Lao động:**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo của 03 xã đạt trên 75%. Trong đó: Xã Túc Tranh đạt 77,2%; xã Vô Tranh đạt 75,4%; xã Cổ Lũng đạt 75,8%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ bình quân của 03 xã đạt 38,67%, Trong đó: Xã Túc Tranh đạt 33,3%; xã Vô Tranh đạt 26,1%; xã Cổ Lũng đạt 50%.

\* *Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Lao động.*

### **3.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

- 03/03 xã đều có HTX hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định, cụ thể: Hợp tác xã chè Khe Cốc, HTX An Thái Trà, HTX Thái Ninh Trà, xã Túc Tranh; hợp tác xã chè Hoan Xuyên, xã Vô Tranh; hợp tác xã chè sạch Đạt Phát, xã Vô Tranh; hợp tác xã dịch vụ kinh doanh tổng hợp Cổ Lũng, xã Cổ Lũng. Các hợp tác xã thực hiện kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm. Có hợp đồng liên kết và tiêu thụ sản phẩm với các, công ty, cửa hàng bán lẻ và hệ thống siêu thị như: Trạm dừng nghỉ Hải Đăng, Vincom, Dabaco.. và các trang thương mại điện tử như Vò sò, Shopee, Lazada, facebook, zalo, Grad mart... theo chuỗi giá trị ổn định.

- 03/03 xã đều có sản phẩm OCOP, cụ thể: Xã Túc Tranh có 03 sản phẩm chè; xã Vô Tranh có 08 sản phẩm chè; xã Cổ Lũng có 01 sản phẩm bánh chưng Bờ Đậu.

- 03/03 xã có mô hình sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGap với quy mô phù hợp đặc điểm phát triển kinh tế của từng xã, được đầu tư sản xuất theo quy trình đồng bộ để tạo ra các sản phẩm có chất lượng, an toàn và giá trị kinh tế cao..

- 03/03 xã đều có ít nhất từ 01 sản phẩm chủ lực được thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử bằng mã QRcode đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến, cách sử dụng sản phẩm.

- 50% sản phẩm chủ lực (Chè) của 03 xã được bán qua các kênh thương mại điện tử như: Shopee, Lazada, Tiki, ...

- 03/03 xã đều có vùng chè tập trung được cấp mã vùng trồng với tổng diện tích 55,12 ha.

- 03/03 xã đã xây dựng chuyên mục du lịch trên Cổng thông tin điện tử của xã, đăng tải các tin, bài phản ánh, quảng bá các sản phẩm OCOP, các sản phẩm tiêu biểu, có lợi thế, các điểm di tích lịch sử - văn hóa, thường xuyên cập nhật thông tin các điểm du lịch trên mạng xã hội.

- 03/03 xã có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường), cụ thể như: Mô hình liên kết sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm chè theo quy trình thâm canh chè hữu cơ xã Túc Tranh; mô hình liên kết phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh chè an toàn



VietGAP xã Vô Tranh; mô hình liên kết phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh chè an toàn VietGAP tại xã Cổ Lũng... Các mô hình đều tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, không gây ô nhiễm môi trường.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.*

#### **3.14. Tiêu chí số 14 về Y tế:**

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT bình quân của 03 xã đạt 96,77%, trong đó: Xã Túc Tranh đạt 95,4%, xã Vô Tranh đạt 100%, xã Cổ Lũng đạt 95%.

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe bình quân của 03 xã đạt 90,5%, trong đó: Xã Túc Tranh đạt 91,5%, xã Vô Tranh đạt 90,05%, xã Cổ Lũng đạt 90,01%.

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa của 03 xã đều đạt trên 40%, trong đó: Xã Túc Tranh đạt 47,6%, xã Vô Tranh đạt 55,4%, xã Cổ Lũng đạt 41,4%.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám sức khỏe điện tử bình quân của 03 xã đạt trên 70%, trong đó: Xã Túc Tranh đạt 70,13%, xã Vô Tranh đạt 96,98%, xã Cổ Lũng đạt 70,1%.

*\* Kết quả đánh giá: 03/3 xã đạt tiêu chí Y tế.*

#### **3.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công:**

- 03/03 xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại các xã được tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả đúng quy trình theo đúng quy định.

- 03/03 xã đã công khai 42 dịch vụ công trực tuyến, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã theo Quyết định số 2216/QĐ-UBND, ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến toàn trình của các xã đều đạt trên 90%, trong đó: Xã Vô Tranh đạt 91,1%; xã Túc Tranh đạt 99,3%; xã Cổ Lũng đạt 100%.

- 03/03 xã có 100% thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo quy định Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ được xếp loại tốt (từ 80 điểm trở lên). Năm 2024, chỉ số đánh giá của các 03 xã trên Cổng dịch vụ công Quốc gia đạt như sau: xã Vô Tranh đạt 91,08 điểm, xã Cổ Lũng đạt 90,66 điểm, xã Túc Tranh đạt 82,66 điểm (*Thời điểm lấy số liệu: 08 giờ ngày 25/11/2024*), chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp được nâng cao, mức độ hài lòng về giải quyết TTHC đạt mục tiêu theo quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Hành chính công.*

### **3.16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật**

Căn cứ Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20/6/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh và Công văn số 1088/STP-PB&TDTHPL ngày 28/6/2024 của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên về việc hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh.

Thực hiện tiêu chí số 16 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao, trong năm đánh giá, huyện có 03 xã Cổ Lũng, Vô Tranh, Túc Tranh đã thực hiện đạt các tiêu chí như sau:

- 03/03 xã có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận (mỗi xã có 02 mô hình).
- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công trên địa bàn 03/03 xã đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: 03/03 xã không có người dân thuộc đối tượng cần trợ giúp pháp lý.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Tiếp cận pháp luật.*

### **3.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường:**

- 03/03 xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Trên địa bàn 03 xã nông thôn mới nâng cao có 54/54 cơ sở sản xuất - kinh doanh thuộc đối tượng đã được xác nhận hồ sơ môi trường; Có 31/31 làng nghề chề đã được phê duyệt Phương án Bảo vệ môi trường làng nghề, đạt tỷ lệ 100%.

- Việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải không nguy hại trên địa bàn 03 xã nông thôn mới nâng cao được thực hiện bởi Ban quản lý Môi trường - Đô thị huyện. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại được thu gom, xử lý trên địa bàn 03 xã nông thôn mới nâng cao là 4731/5600,3 tấn/năm, đạt 84,5%. Đối với những hộ gia đình ở các khu vực dân cư thưa thớt, không tập trung UBND các xã đã tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân tự phân loại và xử lý rác thải tại nhà đảm bảo hợp vệ sinh.

- UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động hộ dân tham gia thu gom xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp. Đến nay trên địa bàn 03/03 xã NTM nâng cao có 4.557/7.572 hộ, chiếm 60,2 % đã xây dựng mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

- 100% các hộ gia đình tại 03 xã cam kết thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, trong đó có 84,3% số hộ gia đình đã thực hiện phân loại (6.384/7.572 hộ).

- Trên địa bàn 03 xã NTM nâng cao đã bố trí 420 bể chứa bằng bê tông để gom chứa các vỏ chai, vỏ gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng, tránh tình trạng người dân vứt bỏ ngoài đồng sau khi sử dụng. Hàng năm, huyện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định. Năm 2024 đã thu gom, xử lý 5.825 kg/5.825 kg, đạt 100% khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định tại 03 xã nông thôn mới nâng cao, bằng 231,3/292,8 tấn/năm, đạt 79%.

- Trên địa bàn 03 xã nông thôn mới nâng cao đã thu gom được tổng 2.201.272/2.518.623 kg chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp bằng 87,40 %; Có 1.755/2.075 cơ sở chăn nuôi vệ sinh thú y bảo vệ môi trường bằng 84,57%

- 4.100/4.100 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản tại 03 xã thực hiện cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn theo quy định.

- Trên địa bàn 03 xã nâng cao việc mai táng thực hiện trong các nghĩa trang được xác định trong quy hoạch chung xây dựng xã, 03/03 xã đã ban hành quy chế quản lý nghĩa trang phù hợp với quy hoạch, đồng thời thực hiện quản lý theo quy chế. Việc mai táng phù hợp với tín ngưỡng và phong tục tập quán, truyền thống văn hóa, nếp sống văn minh, đảm bảo vệ sinh môi trường và tuân thủ đúng theo các quy định hiện hành. Tỷ lệ người dân sử dụng hình thức hỏa táng bình quân tại 03 xã đạt 37,64%, trong đó: Xã Túc Tranh đạt 38,78%, xã Vô Tranh đạt 61,29%, xã Cổ Lũng đạt 29,59%.

- Tại các điểm dân cư nông thôn, các khu vực công cộng trên địa bàn 03 xã như: Trụ sở cơ quan, trường học, nhà văn hóa xã, xóm, trên các tuyến đường giao thông nông thôn... được trồng các loại cây xanh như cây bóng mát, cây lâm nghiệp, cây ăn quả lâu năm ... Tỷ lệ đất cây xanh bình quân đạt 4,26 m<sup>2</sup>/người.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định tại 03 xã nông thôn mới nâng cao, bằng 231,3/292,8 tấn/năm, đạt 79%.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Môi trường.*

### **3.18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống:**

- Tỷ lệ hộ được dân sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung tại 02 xã bình quân đạt 36,08%, trong đó: Xã Túc Tranh đạt 35,2%, xã Cổ Lũng đạt 36,96%; còn xã Vô Tranh chưa có hệ thống cấp nước tập trung, tuy nhiên trên địa bàn toàn xã Vô Tranh nhân dân đang sử dụng nước sạch bằng nguồn cấp nước nhỏ lẻ: 1.570 hộ/2.498 hộ sử dụng nước sạch đạt tỷ lệ 62,85%, 2.455 hộ/2.498 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 98,3%.

- 03/03 xã đều đảm bảo chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm.

- Trên địa bàn 02 xã có 02 công trình cấp nước, trong đó 02 công trình hoạt động bền vững (đạt 100%), các công trình đều có tổ chức quản lý, khai thác, vận hành, có cán bộ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý công trình hoạt động bền vững theo quy định.

- Hàng năm, 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại 03 xã đều được tập huấn về an toàn thực phẩm.

- 03/03 xã không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

- 3.434/3.434 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản tại 03 xã được chứng nhận về an toàn thực phẩm, đạt 100%. Trong đó: 08 cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, 3.426 cơ sở, hộ gia đình thực hiện cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn theo quy định.

- Có 6.857/7.572 hộ gia đình trên địa bàn 3 xã đảm bảo 3 chỉ tiêu (*có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh*) đạt tỷ lệ 90,5%; 6.663/7.572 hộ gia đình đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) đạt 88%.

- Trên địa bàn 03 xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn các xã được Ban Quản lý môi trường - Đô thị huyện thu gom, vận chuyển về bãi chôn lấp tập trung của huyện để xử lý theo quy định.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Chất lượng môi trường sống.*

### **3.5. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh:**

- Hàng năm, 03 xã đều hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, phát triển dân quân; hoàn thành 100% chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện Dân quân tự vệ và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng; 03/03 xã đạt 10 tiêu chuẩn xây dựng xã vững mạnh về quân sự quốc phòng địa phương gắn với xây dựng NTM; lực lượng dân quân tự vệ các xã được quan tâm xây dựng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng; chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã không ngừng được nâng lên.

- Tình hình an ninh trật tự xã hội ở 03 xã NTM nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu được đảm bảo ổn định, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác trên địa bàn đã được kiềm chế; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng; các xã đã lắp đặt camera an ninh và thực hiện các mô hình (phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy) gắn với phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc". Trên địa bàn 03 xã không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; có 100% xóm, cơ quan và trường học của 03 xã đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" theo quy định.

*\* Kết quả đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí Quốc phòng và an ninh.*



## 4. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM

### 4.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:

#### a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch theo chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

#### b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Nhằm khai thác các nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh của huyện để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và du lịch, đồng thời tập trung các nguồn lực từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, mở rộng không gian đô thị phần đầu huyện Phú Lương đạt chuẩn NTM năm 2024. UBND huyện đã chỉ đạo lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Lương đến năm 2045 nhằm đánh giá tổng quan về điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội, sử dụng đất và xây dựng, hệ thống hạ tầng, kỹ thuật và môi trường; định hướng phát triển không gian vùng và hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, đề xuất các định hướng nguyên tắc phát triển vùng, tạo ra sự phát triển mới, phát triển bền vững.

#### - Các nội dung đã thực hiện:

+ Lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện đến năm 2045 theo đúng quy định, đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 2912/QĐ-UBND, ngày 21/11/2024. Nội dung quy hoạch vùng huyện đã cập nhật, tích hợp vào quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện có khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn như: Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện đã được lồng ghép trong khu chức năng sản xuất công nghiệp (tại cụm công nghiệp Yên Lạc). Bên cạnh đó, huyện đã quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung tại các xã như vùng sản xuất chè, vùng sản xuất lúa...

+ Huyện có các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu đã và đang được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt, cụ thể:

*Dự án Trường Trung học phổ thông Túc Tranh, huyện Phú Lương:* Đây là Công trình dân dụng, nhóm B, cấp III, tổng mức đầu là 90 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương. Đến nay dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

- Khối lượng đã thực hiện: Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

#### c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí Quy hoạch.



+ Tập trung quản lý, bảo trì và xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu xây dựng huyện NTM, từng bước hoàn thiện tiêu chí xây dựng thị xã đảm bảo giao thông thông suốt, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện.

+ Phối hợp với các Sở, ngành của tỉnh thực hiện quản lý tốt hành lang an toàn giao thông các tuyến đường do Tỉnh quản lý; thực hiện tốt công tác vận động, giải phóng mặt bằng để nâng cấp các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, bảo trì các tuyến đường huyện để bảo đảm khai thác sử dụng các tuyến đường đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm: Có 13/13 xã đạt 100% số xã trên địa bàn huyện có đường ô tô kết nối với đường huyện và các trung tâm hành chính, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm; 105,7/105,7km mặt đường huyện được nhựa hóa và bê tông xi măng hóa đạt 100%; 105,7/105,7km đạt 100% đường huyện được bảo trì hàng năm.

+ Tổng số Km đường huyện là 105,7/105,7km đạt chuẩn theo quy hoạch phân kỳ đầu tư (100% đường huyện được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp với cấp đường theo quy hoạch được phê duyệt; 100% đường huyện đạt cấp kỹ thuật theo tiêu chuẩn TCVN 4054: 2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế; 100% đường huyện có hệ thống cầu, cống được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch).

+ Huyện có 11 tuyến đường huyện tổng chiều dài 105,7 km, trong những năm qua huyện đã chỉ đạo trồng, chăm sóc các loại cây bóng mát, ăn quả 2 bên đường với nhiều loài cây khác nhau như: cây Cau, Phong Linh, Tùng Tháp, Keo, Xoan, Lát, Sừa, Bàng... và một số cây ăn quả tạo cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp, kết quả đến nay, toàn huyện có 81,026km/105,7km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt 76,62%.

+ Bến xe khách: Hiện nay, huyện Phú Lương chưa có bến xe khách. UBND huyện đã quy hoạch xây dựng bến xe khách Phú Lương vào giai đoạn 2026-2030, được phê duyệt tại quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045.

- Khối lượng đã thực hiện: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp được trên 650km đường giao thông các loại với tổng kinh phí trên 900 tỷ đồng. Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

*c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí Giao thông.*





*Tuyến đường Quốc lộ 3 -Thị trấn Du, huyện Phú Lương*



*Nâng cấp các tuyến đường huyện Phú Lương*



*Đường giao thông liên xã Vô Tranh-Túc Tranh*



### **4.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai:**

#### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.
- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:
  - + UBND huyện đã kịp thời củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT-TKCN các cấp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Chú trọng các phương án di dời sơ tán dân; phương án khắc phục hậu quả, phương án sản xuất sau lũ, lụt, bão. Các phương án xây dựng phải cụ thể, phù hợp với từng ngành, từng địa phương, đơn vị và vùng trọng điểm, bảo đảm xử lý kịp thời các tình huống bất lợi, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra.

+ Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã kịp thời phát hiện các trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; thường xuyên kiểm tra và xử lý dứt điểm các trường hợp gây ách tắc dòng chảy trên các tuyến kênh mương. Chủ động ứng phó mưa, bão, tổ chức tốt công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ phần đầu giảm nhẹ đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

+ Thường xuyên cải tạo, tu bổ hệ thống công trình thủy lợi, đê điều, các công trình thủy lợi đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai.

+ Chuẩn bị các loại vật tư, phương tiện, thiết bị, nhân lực theo phương châm "4 tại chỗ" đủ theo yêu cầu của các phương án đã xây dựng và các quy định trong công tác phòng chống thiên tai.

#### **- Các nội dung đã thực hiện:**

+ Về hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch: Hệ thống thủy lợi được phân giao quản lý theo Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phân giao nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Tổng số công trình thủy lợi là 173 công trình (101 hồ chứa, 38 đập dâng và 34 trạm bơm); hệ thống kênh tưới, tiêu tổng chiều dài 319 km. Hệ thống thủy lợi liên xã được kết nối đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch. Trạm Khai thác thủy lợi Phú Lương thành lập hoạt động liên xã theo quy định, có nhiệm vụ trực tiếp quản lý, vận hành, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn theo phân giao quản lý. Hàng năm tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện: Kế hoạch đảm bảo tưới, tiêu cho diện tích đất canh tác trên địa bàn huyện; Phương án phòng, chống thiên tai bảo vệ công trình thủy lợi; Phương án tiêu úng, chống hạn cho hệ thống công trình thủy lợi do đơn vị quản lý. Quá trình thực hiện đảm bảo điều hòa phân phối tưới, tiêu nước công bằng, hợp lý, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả.



*Huyện Phú Lương nâng cấp các công trình thủy lợi*



*Công trình thủy lợi Hồ Đồng Xiên xã Yên Lạc, huyện Phú Lương luôn đảm bảo nguồn nước sản xuất nông nghiệp*

+ Về đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Huyện và các xã đã thành lập và kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm cứu nạn; xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm hiệu quả giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra ảnh hưởng tới đời sống Nhân dân; chuẩn bị đầy đủ vật tư, trang thiết bị và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, theo phương châm 4 tại chỗ, kịp thời xử lý và khắc phục các thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Khối lượng đã thực hiện: Triển khai và thực hiện tốt công tác thu hút đầu tư và huy động đóng góp của nhân dân để xây dựng, sửa chữa, nâng cấp

145 công trình thủy lợi; hệ thống kênh mương được cứng hóa, cải tạo, nâng cấp 69,75km. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng 95,2 triệu đồng. Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.



### *Công tác phòng chống thiên tai tại huyện Phú Lương*

c) *Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí Thủy lợi và phòng, chống thiên tai.*

#### **4.4. Tiêu chí số 4 về Điện:**

- Hệ thống điện trên địa bàn huyện Phú Lương gồm: 338 TBA/340MBA (Máy biến áp) với tổng công suất: 92.235 kVA<sup>6</sup>; 283,29 km đường dây Trung thế (Đường dây 35kV: 162,72 km; Đường dây 22kV: 120,57 km); 573,889km đường dây hạ thế (Trong đó: Tài sản của ngành điện là: 435,225km; Tài sản của các HTX là: 138,664km); 34.423 công tơ (Trong đó: 3.094 công tơ 3 pha, 31329 công tơ 1 pha).

- Xác định đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống lưới điện đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, vận hành ổn định, có độ tin cậy cao, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; được sự quan tâm của Tập đoàn điện lực Việt Nam, UBND tỉnh Thái Nguyên và

<sup>6</sup>Số TBA ngành điện quản lý: 230TBA/45.265 kVA; Số TBA cơ quan doanh nghiệp ngoài ngành điện quản lý: 108 TBA/46.970 kVA)



Công ty Điện lực Thái Nguyên, việc đầu tư nâng cấp, cải tạo lưới điện nông thôn đồng bộ, tuân thủ theo các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy phạm hiện hành được quan tâm; công tác thiết kế, xây dựng công trình điện trên địa bàn luôn bám sát với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch phát triển điện lực tỉnh và quốc gia.

- Bằng các nguồn vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), vốn vay từ các tổ chức quốc tế (Jica, REII, KFW,...), vốn của địa phương và vốn của nhân dân đóng góp, các dự án cải tạo nâng cấp, chống quá tải lưới điện hạ thế trên địa bàn đã được triển khai thực hiện, đầu tư thay thế toàn bộ lưới điện cũ nát do nhân dân xây dựng trước đây và xây dựng các nhánh mới bằng dây nhôm AL vỏ bọc PVC an toàn, đúng quy chuẩn kỹ thuật. Hằng năm, bằng vốn của ngành điện (EVN) đã đầu tư sửa chữa cải tạo toàn bộ các tuyến đường dây trung áp trên địa bàn đồng thời xây dựng mới các tuyến đường dây trung áp, trạm biến áp và đường dây hạ thế đảm bảo việc cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của các cơ quan doanh nghiệp và của nhân dân trên địa bàn huyện. Hạ tầng lưới điện trên địa bàn huyện đã được đầu tư đồng bộ, đảm bảo đạt đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện cũng như các quy định của Nhà nước, đáp ứng tốt nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của nhân dân. Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

*c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí Điện.*



*Điện lực Phú Lương cải tạo lưới điện chống quá tải*

#### **4.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục:**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

- Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn.
- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã.
- Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên.
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*



- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

+ Về Y tế: Đầu tư cơ sở, vật chất và trang thiết bị y tế đảm bảo nhu cầu phục vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân. Công tác phòng, chống dịch bệnh luôn được quan tâm, đảm bảo chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên.

+ Về Văn hóa: Tập trung, huy động nguồn lực đầu tư, xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định. Khai thác, sử dụng, phát huy hiệu quả các hạng mục công trình tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện. Đổi mới và đa dạng hóa nội dung và phương thức tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí gắn với thực tiễn đời sống xã hội và nhu cầu của người dân trong đó chú trọng tổ chức các liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng, hội thi các môn thể thao, ngày hội văn hóa thể thao... tạo điều kiện để người dân tham gia hoạt động, sáng tạo, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của địa phương.



*Lễ hội Đền Khuân - xã Động Đạt*



*Bảo tồn các nghi lễ truyền thống tại Lễ hội Đền Đuôm, xã Động Đạt*

+ Về Giáo dục: Quan tâm, huy động các nguồn lực đầu tư về cơ sở vật chất và chất lượng các Trường THPT trên địa bàn huyện. Chỉ đạo Trung tâm

giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện quy trình đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục theo đúng quy định.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ *Trung tâm Y tế huyện*: Trung tâm Y tế huyện khu nhà chính được xây dựng kiên cố hai tầng trở lên (công trình cấp III) theo quy định của Bộ Y tế; vị trí xây dựng các công trình theo quy hoạch được phê duyệt, có giao thông thuận lợi và đảm bảo diện tích; sắp xếp tổ chức các khoa, phòng chức năng theo quy định của ngành, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; có phương án thu gom và xử lý chất thải y tế, có công trình vệ sinh và hệ thống xử lý nước thải y tế theo quy định. Trung tâm y tế huyện Phú Lương được xếp hạng III theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 Bộ Y tế hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế tại Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công nhận xếp hạng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế Thái Nguyên.



*Trung tâm Y tế huyện Phú Lương*

+ *Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện*: Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện Phú Lương được thành lập theo Quyết định số 4200/QĐ-UBND, ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện. Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện có tổng diện tích quy hoạch (không kể diện tích của các công trình thể dục thể thao trong nhà và ngoài trời) gần 11.000m<sup>2</sup>, trong đó có 01 thiết chế làm việc của bộ phận truyền thanh, truyền hình; Nhà điều hành trụ sở Trung tâm Văn hóa Thể thao. Diện tích hoạt động trong nhà gần 1.718 m<sup>2</sup>. Trong đó, tổng diện tích các phòng làm việc gần 170m<sup>2</sup> (>15m<sup>2</sup>/ 1 phòng). Diện tích hoạt động ngoài trời, các công trình phụ hơn 2.000 m<sup>2</sup>. Hội trường Trung tâm có tổng diện tích 1200 m<sup>2</sup> sức chứa 300 chỗ ngồi. Khu nhà điều hành có phòng làm việc lãnh đạo tại tầng 2 trụ sở Trung tâm Văn hóa Thể thao: với 01 phòng giám đốc, 01 phòng phó Giám đốc có diện tích từ 18-20 m<sup>2</sup>; phòng làm việc của bộ phận chuyên môn 5 phòng làm việc có

diện tích từ 18-50 m<sup>2</sup>, 01 phòng họp. Sân vận động huyện có diện tích 1.200 m<sup>2</sup>, thiết kế sân bóng đá 07 người với kích thước tiêu chuẩn 60 x 35m, bao quanh sân là 4 đường chạy rải Asphalt phục vụ các môn thi đấu, luyện tập thể thao ngoài trời theo chức năng. Sân khấu phục vụ tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà 96 m<sup>2</sup>. Khu triển lãm, biểu diễn ngoài trời có diện tích 800 m<sup>2</sup>. Khu dịch vụ, vui chơi giải trí có diện tích hơn 500 m<sup>2</sup> và các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời phục vụ tập thể dục dưỡng sinh, chạy bộ... Hội trường đa năng của trung tâm có đủ bàn, ghế, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, đạo cụ trang phục ...phục vụ cho 300 chỗ ngồi, có bộ trang âm công suất phục vụ cho 300 người; có một số dụng cụ đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho tập luyện và biểu diễn luyện tập và biểu diễn văn hóa, văn nghệ. Về cơ cấu bộ máy tổ chức của Trung tâm gồm có 12 người, trong đó: Trình độ chuyên môn Đại học: 12/12 người, Cao cấp Lý luận Chính trị 02 người. Việc tổ chức các hoạt động chuyên môn được thực hiện theo kế hoạch hoạt động hàng năm trên cơ sở nguồn ngân sách được phân bổ, cấp theo quy định. Bên cạnh đó đơn vị cũng chủ động phối hợp với các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn huyện tổ chức các giải thể thao, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng từ nguồn xã hội hóa. Trung bình mỗi năm tổ chức được 12 chương trình tại chỗ; 07 chương trình hoạt biểu diễn động lưu động; 100 buổi tuyên truyền lưu động; 09 chương trình hoạt động phối hợp liên kết; 8 - 9 lớp năng khiếu; 05 cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, từ 7-10 giải thể thao cấp huyện.

Bên cạnh đó, các xã, thị trấn mỗi năm đều tổ chức từ 2-3 chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ; từ 1 đến 2 giải thi đấu, giao hữu các môn thể thao cấp xã, qua đó đã tạo được phong trào và phát triển rộng rãi, thu hút nhiều người ở mọi lứa tuổi tham gia. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao ở các xã ngày càng phát triển, 100% các xã, thị trấn phát triển phong trào thể dục, thể thao, tập trung chủ yếu ở các môn thể thao truyền thống như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, đi bộ, khiêu vũ thể thao... Qua đó, phát huy công năng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa, đẩy mạnh công tác xã hội hóa trên các lĩnh vực văn hóa, thể thao trên địa bàn toàn huyện.





*Phong trào thể dục thể thao phát triển mạnh mẽ  
(Giải thể thao các dân tộc thiểu số huyện Phú Lương)*



*Các hoạt động thể thao*



*Giải Bóng chuyền*

+ Các trường THPT trên địa bàn huyện: Đến tháng 11/2024 huyện Phú Lương có 03 trường trung học phổ thông (THPT): THPT Phú Lương, THPT Yên Ninh, THPT Túc Tranh; các trường đều được đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị đảm bảo công tác dạy và học. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của các trường đều đạt, vượt chỉ tiêu. Đến nay 2/3 trường THPT trên địa bàn huyện được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 66,67%.





*Hoạt động giữa giờ của học sinh Trường THPT Yên Ninh*



*Trường THPT Phú Lương*



*Các hoạt động của Trường THPT Phú Lương*





*Trường THPT Tích Tranh chuẩn bị cho năm học mới*



*Trường THPT Tích Tranh*

+ *Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục:* Trên địa bàn huyện có 01 Trung tâm GDNV-GDTX thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Trung tâm đóng trên địa bàn thị trấn Đu, được đầu tư xây dựng phòng học và các phòng chức năng đảm bảo cho công tác dạy và học. Năm học 2023-2024, Trung tâm được kiểm tra công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo Quyết định số 989/QĐ-SGDĐT ngày 28/6/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên.





*Hoạt động tuyên truyền của Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Lương*



*Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên huyện Phú Lương*

- Khối lượng đã thực hiện: Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

*c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục.*

#### **4.6. Tiêu chí số 6 về Kinh tế:**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

- Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn.

- Có mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn.

- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.

- Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

+ Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quy hoạch các cụm Công nghiệp. Kêu gọi các Nhà đầu tư, Doanh nghiệp, Hợp tác xã có đủ năng lực đầu tư xây dựng nhà máy, công trình hạ tầng kỹ thuật tại các Cụm công nghiệp theo Quy hoạch được phê duyệt.

+ Đầu tư xây dựng chợ Yên Trạch đạt chuẩn mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn tại Quyết định số 1327/QĐ-BCT, ngày 03/6/2024 của Bộ Công Thương và Bảng 1 Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017- Chợ kinh doanh thực phẩm và thực hiện quản lý các hoạt động kinh doanh, buôn bán, vệ sinh môi trường theo đúng quy định.

+ Phát huy tiềm năng lợi thế, nhằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh cao, huyện Phú Lương đã tập trung chỉ đạo, quy hoạch, định hướng sản xuất, hình thành các vùng sản xuất tập trung đối với các sản phẩm chủ lực, gắn với xây dựng chuỗi giá trị, cung ứng tiêu thụ sản phẩm an toàn, từ đó, xây dựng nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, bền vững, nâng cao đời sống nhân dân.

+ Chỉ đạo thành lập Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện theo đúng quy định của Tỉnh.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ *Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn:* Theo Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh). Trên địa bàn huyện Phú Lương được phê duyệt tổng diện tích quy hoạch Cụm Công nghiệp thời kỳ 2021-2030 là 208,6 ha (*tăng 155 ha so với giai đoạn trước*). Tổng cụm công nghiệp là 05 cụm, gồm: Cụm công nghiệp Yên Lạc, diện tích quy hoạch 40 ha; Cụm công nghiệp Yên Ninh, diện tích quy hoạch 28 ha; Cụm công nghiệp Bá Sơn, diện tích quy hoạch 50 ha; Cụm công nghiệp cầu Bình, diện tích quy hoạch 35,6 ha; Cụm công nghiệp Cổ Lũng, diện tích quy hoạch 55 ha.

Cụm công nghiệp Yên Lạc được UBND tỉnh Thái Nguyên thành lập tại Quyết định số 1586/QĐ-UBND, ngày 19/5/2021, Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Công ty Cổ phần tập đoàn Công Hà. Do khó khăn về nguồn kinh phí đầu tư, ngày 20/11/2023, Công ty Cổ phần tập đoàn Công Hà đã có Thông báo số 1909/TB-CH ngày 20/11/2023 về việc chấm dứt đầu tư dự án Cụm công nghiệp Yên Lạc. Ngày 09/5/2024, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 968/QĐ-UBND về việc chấm dứt giao chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật



cụm công nghiệp Yên Lạc đối với Công ty Cổ phần tập đoàn Công Hà. Ngày 17/9/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2178/QĐ-UBND, về việc điều chỉnh Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Cụm công nghiệp Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay, Cụm công nghiệp Yên Lạc, huyện Phú Lương với diện tích 25,6 ha đang được Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và phát triển Đô thị Thăng Long Thái Nguyên đang thực hiện các thủ tục về điều chỉnh quy hoạch, chủ trương đầu tư, đấu nối giao thông, giải phóng mặt bằng để chuẩn bị đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ theo quy định.

+ *Có mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn*: Chợ Yên Trạch là chợ hạng 3 nằm ở xã Yên Trạch, huyện Phú Lương, được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cơ sở vật chất và đưa vào sử dụng năm 2023 và năm 2024 với tổng diện tích đất là 4.154,5 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại thửa đất số 191, tờ bản đồ địa chính số 57. Tài sản chợ do Ủy ban nhân dân xã Yên Trạch quản lý theo quy định. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo chợ Yên Trạch 2,02 tỷ đồng. Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương đã ban hành Quyết định số 2985/QĐ-UBND, ngày 05/6/2014 về việc thành lập Ban quản lý chợ Yên Trạch; Quyết định số 2286/QĐ-UBND, ngày 27/10/2023 của UBND huyện Phú Lương về việc phê duyệt Nội quy chợ Yên Trạch, xã Yên Trạch; Quyết định số 2398/QĐ-UBND, ngày 09/11/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt Phương án sử dụng điểm kinh doanh và bố trí sắp xếp ngành nghề kinh doanh tại chợ Yên Trạch. Hiện nay chợ Yên Trạch do Ban quản lý chợ Yên Trạch quản lý, hoạt động của chợ ổn định, không phát sinh tranh chấp, mất an ninh trật tự. Ban quản lý chợ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định. Hiện nay, chợ Yên Trạch, xã Yên Trạch đã đáp ứng tiêu chí 6.2. Có mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 1327/QĐ-BCT, ngày 03/6/2024 của Bộ Công Thương và Bảng 1 Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017- Chợ kinh doanh thực phẩm.



*Chợ phiên hàng tháng xã Yên Trạch*

+ *Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.*

Ngày 21/11/2024, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 2912/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045.

Ngày 03/3/2023, UBND huyện Phú Lương ban hành Quyết định số 278/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn huyện Phú Lương. Huyện xác định các sản phẩm chủ lực gồm: Chè, lúa gạo, cây ăn quả, thịt lợn, thịt gà, trứng gà, gỗ và các sản phẩm từ gỗ.

Vùng sản xuất chè tập trung: Đến nay, tổng diện tích chè trên địa bàn huyện là 4.104,4 ha, sản lượng chè búp tươi ước đạt 47.406 tấn; diện tích chè được chứng nhận mới, chứng nhận lại theo tiêu chuẩn VietGAP là 1.400 ha; diện tích chè sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ là 34 ha. Trên địa bàn huyện đã có quy hoạch chi tiết vùng sản xuất chè tập trung với diện tích tại xã Vô Tranh, Túc Tranh, Phú Đô, Yên Lạc. Tại đây có các Hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chè, 19 sản phẩm đã được chứng nhận là sản phẩm OCOP (12 sản phẩm đạt 3 sao, 6 sản phẩm đạt 4 sao, 1 sản phẩm tiềm năng 5 sao trình TW chấm); đã được cấp 3 mã số vùng trồng với tổng diện tích là 55,12 ha. Quy trình sản xuất chè áp dụng là quy trình VietGAP, hữu cơ. Nhờ áp dụng công nghệ trong sản xuất chè mà năng suất, chất lượng chè ngày càng được nâng lên, góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất... Năm 2021, nhãn hiệu chứng nhận “Chè Phú Lương” được Cục Sở hữu trí tuệ cấp chứng nhận. Việc được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ “Chè Phú Lương” có ý nghĩa trong việc xây dựng thương hiệu, nâng cao uy tín, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chè Phú Lương trên thị trường, ngoài ra huyện tiếp tục duy trì và phát triển nhãn hiệu tập thể “Chè Túc Tranh”, “Chè Vô Tranh”. Hiện nay đã có trên 20 đơn vị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Chè Phú Lương”, nhãn hiệu tập thể “Chè Túc Tranh”, “Chè Vô Tranh”, các sản phẩm chè sau khi đăng ký sử dụng nhãn hiệu đã góp phần gia tăng giá trị sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

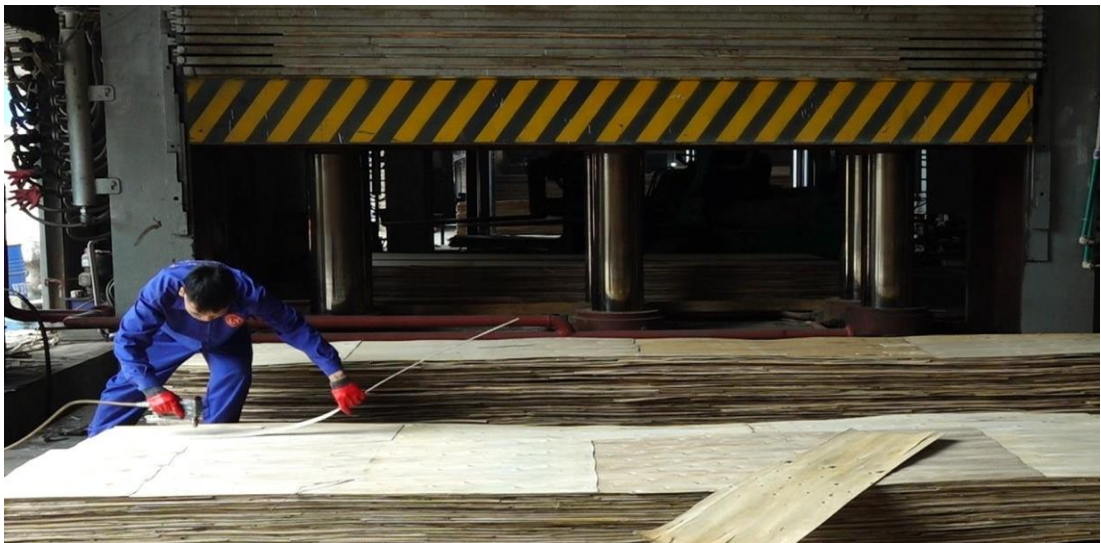
Vùng sản xuất cây ăn quả tập trung: Tổng diện tích cây ăn quả toàn huyện khoảng 415 ha, đã hình thành các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung tại các xã Túc Tranh, Động Đạt, Yên Lạc..., diện tích các vùng sản xuất tập trung trên 100 ha, chủ yếu là bưởi, na. Các vùng cây ăn quả được sản xuất theo quy trình VietGAP, hướng tới sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ.

Vùng chăn nuôi tập trung: Đến nay tổng đàn lợn trên địa bàn huyện trên 50.000 con, đàn gà trên 1.700.000 con, sản lượng thịt hơi ước đạt 16.646 tấn/năm; trên địa bàn huyện đã quy hoạch các khu sản xuất chăn nuôi tập trung tại các xã, thị trấn, sản xuất chăn nuôi đã được áp dụng quy trình VietGAP cho 26 cơ sở chăn nuôi, với quy mô khoảng 5.000 con lợn và trên 100.000 con gia cầm, sản lượng ước đạt trên 1.800 tấn.

Trên địa bàn huyện có nhiều mô hình liên kết chuỗi trong đó có 03 mô hình chè điển hình: Mô hình liên kết sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm chè theo quy trình thâm canh chè hữu cơ tại xóm Góc Gạo, xã Túc Tranh; mô hình liên kết sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm chè theo quy trình thâm canh chè hữu

cơ tại xóm Khe Cốc, Minh Hợp, xã Tức Tranh; dự án liên kết phát triển sản xuất chế biến kinh doanh chè theo chuẩn hữu cơ tại xã Ôn Lương. Quy mô liên kết trên 140,6 ha, với trên 400 hộ tham gia, giá trị sản phẩm chè thu được từ mô hình liên kết đạt trên 400 triệu đồng/ha/năm. Diện tích liên kết đều được cấp giấy chứng nhận sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP (34 ha được cấp giấy chứng nhận hữu cơ) và 40 ha được cấp mã số vùng trồng. Hiện nay các Hợp tác xã, doanh nghiệp chủ trì liên kết đã ứng dụng các loại máy móc thiết bị hiện đại trong sản xuất và chế biến như: Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, tự động; sử dụng máy sao chè bằng GAS, máy sao chè bằng điện, máy vò, máy nghiền bột trà, máy hút chân không ... Ứng dụng chuyển đổi số trong việc quản lý, điều hành như sử dụng phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử... Bao bì sản phẩm chè có dán tem, có mã QR Code truy suất nguồn gốc; thực hiện số hóa cho 35/35 sản phẩm OCOP và tư vấn, hỗ trợ cho 19 chủ thể với 100% sản phẩm OCOP đưa sản phẩm lên bán tại các sàn thương mại điện tử, số hoá sản phẩm OCOP tại trang <https://phuluong.thainguyen.gov.vn/so-hoa-lang-nghe-ocop>.

Sản phẩm của mô hình liên kết đều được cấp giấy chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định. Gắn liền với việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chè, hiện nay các Hợp tác xã còn quan tâm phát triển các dịch vụ về du lịch sinh thái tại địa phương, là địa điểm đến thăm quan, trải nghiệm của nhiều du khách. Thăm quan trải nghiệm tại nương chè và trải nghiệm chế biến chè, thưởng thức các loại trà tại Hợp tác xã. Việc tiêu thụ sản phẩm chè của hợp tác xã qua hoạt động du lịch cũng mang lại hiệu quả kinh tế cao. Giá bán sản phẩm chè của các Hợp tác xã bình quân từ 200.000-500.000đ/01kg. Mô hình đã và đang được triển khai nhân rộng trên địa bàn, mô hình liên kết, sản xuất chè an toàn hướng tới một nền nông nghiệp sạch và bền vững, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu biến đổi khí hậu, bảo vệ sức khỏe cho người sản xuất, người tiêu dùng; tạo công ăn việc làm tăng thu nhập ổn định nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, góp phần nâng cao giá trị trên một ha đất nông nghiệp trồng trọt, đặc biệt góp phần thành công Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.



*Cơ sở chế biến gỗ tại xã Yên Đổ*





*Hợp tác xã chè an toàn Khe Cốc sản xuất chè hữu cơ nâng cao giá trị*



*Vùng nguyên liệu cho sản xuất chè an toàn VietGap*

*+ Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả:*

Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Phú Lương được thành lập ngày 28/12/2018 theo Quyết định số 4197/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên. UBND huyện đã ban hành Quy chế hoạt động của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Phú Lương. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm gồm: Ban Giám đốc và 04 tổ chuyên môn. Trong những năm qua Trung tâm đã tích cực phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Huyện xây dựng Kế hoạch, Phương án sản xuất nông nghiệp hàng năm, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn trong công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi, cây trồng và đề ra các giải pháp tối ưu giúp UBND huyện thực hiện chỉ đạo công tác sản xuất đạt hiệu quả cao nhất. Từ khi thành lập đến nay, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Phú Lương luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt nhiều thành tích cao và được UBND tỉnh tặng cờ thi đua đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2021 và năm 2023, được sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, UBND huyện tặng nhiều giấy khen cho tập thể và các cá nhân trong đơn vị.



- Khối lượng đã thực hiện: Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.



*Hoạt động giao ban của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp (Chỉ tiêu 6.4)*



*Hội thảo đầu bờ giống lúa thuần chất lượng cao*





Hình ảnh: Mô hình Khảo nghiệm giống lúa.

*c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí Kinh tế.*

#### **4.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường:**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp  $\leq 50\%$  tổng lượng phát sinh.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên.

- Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp.

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

- Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

+ Chỉ đạo thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện. Xây dựng kế hoạch và có giải pháp xử lý đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường cụ thể đối với từng loại chất thải như: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại.

+ UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường tuyên truyền vận động người dân phân loại rác ngay tại gia đình thành rác thải hữu cơ, rác thải vô cơ, rác thải xây dựng để việc thu gom xử lý được thuận tiện, hiệu quả đồng thời tận dụng rác thải hữu cơ là nguồn nguyên liệu ủ làm phân bón vi sinh phục vụ sản xuất nông nghiệp. Nhân dân trên địa bàn huyện đã tích cực hưởng ứng các hoạt động thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn.

+ Chỉ đạo, bố trí kinh phí xây dựng mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp nhằm tận dụng rác thải sinh hoạt, phế phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp, tạo nguồn phân bón sạch cho cây trồng, giảm chi phí trong sản xuất nông nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế và hiệu quả môi trường.

+ Quan tâm chỉ đạo xây dựng hệ thống xử lý nước sinh hoạt tập trung tại các khu dân cư, khu đô thị; đầu tư xây dựng mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn

+ Chỉ đạo xây dựng Cụm công nghiệp phải đầy đủ hồ sơ bảo vệ môi trường theo quy định; thiết kế bố trí trồng dải cây xanh các ly xung quanh, tỷ lệ cây xanh đảm bảo trên 10%.

+ Tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện trồng cây xanh, trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ cây trồng. Chỉ đạo các xã, các cơ quan đơn vị, trường học, doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện trồng cây xanh phân tán tại khuôn viên trụ sở UBND huyện, UBND các xã, trụ sở các cơ quan, đơn vị, nhà văn hóa xã, xóm, Đình, đền, chùa, đường giao thông liên xã, xóm...

+ UBND huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện tốt việc chống rác thải nhựa và thu gom, xử lý chất thải nhựa đúng theo quy định.

+ Chỉ đạo Ban Quản lý môi trường - Đô thị huyện tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Các nội dung đã thực hiện:

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 01/12/2023 về Quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Phú Lương giai đoạn 2024 - 2025 và 15/15 xã, thị trấn đã ban hành kế hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn.

15/15 các xã, thị trấn đã thành lập Tổ thu gom chất thải rắn sinh hoạt hoặc hợp đồng với các đơn vị để tổ chức thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã, thị trấn; Ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với Ban Quản lý môi trường - Đô thị huyện để vận chuyển rác thải sinh hoạt xử lý theo quy định; duy trì thường xuyên mỗi tháng 01 ngày vào ngày Chủ nhật tuần đầu

tiên của tháng tổ chức thực hiện tổng vệ sinh môi trường, thu gom rác thải sinh hoạt tập trung tại các cơ quan, đơn vị, đường làng, ngõ xóm, chợ, các khu công cộng đảm bảo môi trường xanh-sạch-đẹp, an toàn.

- Trên địa bàn huyện Phú Lương hiện có 01 Khu xử lý chất thải sinh hoạt tập trung (Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại xã Yên Lạc), thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp đốt (Lò đốt rác BAMBO công suất 1,5 tấn/giờ) và phương pháp chôn lấp (gồm 02 ô chôn lấp có diện tích 5.990 m<sup>2</sup> và 6.995 m<sup>2</sup>); được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2349/QĐ-TNMT ngày 08/7/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên và đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn của pháp luật hiện hành. Trong năm 2024, hệ thống lò đốt thực hiện bảo dưỡng nên việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện chủ yếu được thực hiện bằng phương pháp.

*Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện theo rà soát là khoảng 21282,2 tấn/năm. Chất thải rắn sinh hoạt được người dân phân loại theo 3 nhóm, gồm: Chất thải hữu cơ (chất thải thực phẩm): phát sinh 9.584,9 tấn/năm (chiếm 44,9%); Chất thải tái chế, tái sử dụng: phát sinh 3.247,1 tấn/năm (chiếm 15,2%); Chất thải sinh hoạt khác: phát sinh 8.041,7 tấn/năm (chiếm 37,7%).

Việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn huyện được thực hiện bởi Ban Quản lý môi trường - Đô thị huyện Phú Lương. Kết quả tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được phân loại, thu gom, xử lý theo quy định trung bình là 17.616,9/21.340,8 (tấn/năm), đạt 82,6%. Trong đó lượng chất thải rắn sinh hoạt được vận chuyển đi xử lý chôn lấp tập trung là 7.790,4 tấn/năm, chiếm 36,5% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân phân loại và xử lý rác thải hợp vệ sinh. Các hộ dân thực hiện phân loại tự xử lý đối với chất thải hữu cơ, bằng cách chôn lấp tại khu đất của gia đình, chất thải rắn tái sử dụng được bán cho cơ sở phế liệu, chất thải còn lại các hộ dân tự vận chuyển ra địa điểm tập kết theo lịch thu gom, vận chuyển của Ban Quản lý môi trường - Đô thị huyện để vận chuyển xử lý theo quy định.

*Chất thải nguy hại:*

*Bao bì thuốc bảo vệ thực vật:* Trên địa bàn các xã, thị trấn có 1.228 bể chứa có nắp đậy để thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng đặt tại các cánh đồng. Hằng năm, UBND huyện giao phòng Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thu gom, xử lý vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật theo quy định với đơn vị có đủ chức năng xử lý chất thải nguy hại được Bộ tài Nguyên và Môi trường cấp phép. Năm 2024, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã ký hợp đồng với Công TNHH dịch vụ môi trường Anh Đăng để thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng trên địa bàn huyện được 15.040 kg/15.040 kg, đạt tỷ lệ 100%.



*Chất thải rắn y tế:* Chất thải rắn y tế trên địa bàn được phân loại, thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế. Trên địa bàn huyện 01 Trung tâm y tế, 15 Trạm y tế của xã, thị trấn và 07 cơ sở khám bệnh tư nhân có phát sinh chất thải y tế nguy hại. Toàn bộ chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Sông Công đơn thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Năm 2024 khối lượng chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom trên địa bàn huyện là 3.758 kg/3.758 kg, toàn bộ khối lượng rác phân loại, lưu giữ chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định về quản lý chất thải y tế, chất thải nguy hại (đạt 100%);

*Chất thải nguy hại khác phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh:* Các cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh chất thải nguy hại trên địa bàn đều có khu vực lưu chứa hoặc thùng chứa chất thải nguy hại đúng quy định, sau đó hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thuê vận chuyển, xử lý theo quy định, đạt tỷ lệ 100% lượng phát sinh.

*Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Các cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, lưu chứa xử lý đúng quy định theo hồ sơ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, phê duyệt.

+ *Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn:* UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch số 265/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Phú Lương về phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Phú Lương năm 2024, chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã triển khai trên toàn địa bàn đến các hộ gia đình ký cam kết phân loại chất thải rắn tại nguồn và thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, trong đó thực hiện phân loại thành 03 nhóm ( *CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế, Chất thải thực phẩm (hữu cơ), CTR sinh hoạt khác*). Toàn bộ các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã triển khai hướng dẫn người dân ký cam kết thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đối với 27.592 hộ/27.592 hộ, đạt tỷ lệ 100%, qua đánh giá hiện có 21.976 hộ/27.592 (đạt tỉ lệ 79,6%) hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đúng theo hướng dẫn. Việc phân loại chất thải rắn tại nguồn được các hộ gia đình thực hiện bằng cách tận dụng các thiết bị của gia đình như: thùng nhựa có nắp đậy, xô có nắp đậy... để phân loại chất thải rắn. Các loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế được các hộ gia đình thu gom, phân loại riêng để tái sử dụng và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu để tái chế. Các loại chất thải thực phẩm (hữu cơ) được các hộ phân loại riêng để làm thức ăn chăn nuôi và ủ phân hữu cơ bằng cách đào hố xử lý tại hộ gia đình.



*Các thùng phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình*



*Hướng dẫn ủ men vi sinh tại nhà*

+ Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên: Trên địa bàn huyện có 01 mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp. Mô hình Tổ hợp tác tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông



nghiệp xóm Hiệp Hoà, xã Phú Lý triển khai thực hiện từ năm 2023. Trong 02 năm hoạt động Tổ hợp tác đã thu mua được trên 300 tấn chất thải hữu cơ và phụ phẩm nông nghiệp để ủ vi sinh thành phân ủ hữu cơ. Toàn bộ sản phẩm tái chế được sử dụng cho trồng trọt, phục vụ cho chính các thành viên Tổ hợp tác và các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp khác trên địa bàn huyện. Trong 2 năm 2023, 2024: Tổ hợp tác tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp xóm Hiệp Hoà đã ký hợp đồng liên kết cung ứng phân ủ hữu cơ với 3 HTX sản xuất chè, lúa nếp vãi và các hộ sản xuất chè, lúa trên địa bàn huyện với tổng lượng phân ủ hữu cơ cung ứng là 200 tấn.

Mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp giúp định hướng cho người dân áp dụng khoa học kỹ thuật để sử dụng phế phụ phẩm nông nghiệp hiệu quả nhất, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, cải thiện đời sống cho nông dân và xây dựng NTM.



*Nhà chứa nguyên liệu tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp*



*Mô hình chăn nuôi lợn gà xử dụng đệm lót sinh học*



+ *Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp: ≥ 01 công trình:* Thực hiện Quyết định số 4165/QĐ-BNN-VPĐP, ngày 10/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt danh mục mô hình thí điểm thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (đợt 2): Mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tại xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch số 151/KH-UBND, ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc xây dựng mô hình thí điểm “Mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tại xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên”, UBND huyện Phú Lương đã triển khai xây dựng “Mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tại xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên có công suất 60m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Công trình xử lý nước thải xây dựng theo đúng quy hoạch; Các hộ gia đình trên địa bàn xóm Đồng Đình xã Yên Ninh đã ký cam kết đầu nôi và chi trả phí dịch vụ thu gom và xử lý nước thải. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn một số công trình xử lý nước thải tập trung của một số khu dân cư, khu đô thị khác đang được đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

+ *Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ thực vật, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu:*

Trên địa bàn huyện Phú Lương không có khu công nghiệp. Năm 2024 trên địa bàn huyện thành lập 01 cụm công nghiệp Yên Lạc với diện tích là 25,6ha, theo Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về thành lập Cụm công nghiệp Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh về thành lập Cụm công nghiệp Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển đô thị Thăng Long Thái Nguyên được phê duyệt tại Quyết định số 3059/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Yên Lạc; Dự án được UBND huyện phê duyệt đề án Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Yên Lạc huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, trong đó tỷ lệ cây xanh đảm bảo trên 10% theo quy định.

Tổng số làng nghề trên địa bàn là: 46 Làng nghề; Trong đó có 45 Làng nghề chè, 01 Làng nghề bánh chưng; Số hộ gia đình sản xuất tại làng nghề: 3.864 hộ gia đình;

Trên địa bàn huyện Phú Lương hiện có 46 làng nghề (trong đó có 45 Làng nghề chè, 01 Làng nghề bánh chưng); 46/46 làng nghề đều được phê duyệt phương án Bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định; các cơ sở, hộ gia

đình sản xuất trong làng nghề không thuộc đối tượng thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường theo Luật BVMT 2020; các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề đều thực hiện ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã. Do áp dụng khoa học kỹ thuật thân thiện với môi trường, trên địa bàn huyện các hoạt động của làng nghề cơ bản không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất, chủ yếu là chất thải rắn thông thường có thể tận dụng làm chất đốt như: cành chè sau khi cắt tỉa; lạt, lá phụ phẩm gói bánh.. vỏ bao bì hoá chất thuốc BVTV sau sử dụng đã được hỗ trợ các bể thu gom trên các nương chè. Hằng năm, UBND huyện thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền: bố trí kinh phí thu gom, xử lý vỏ bao bì hoá chất thuốc BVTV sau sử dụng tại các bể thu gom trên nương chè từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường (*Kế hoạch số 40/KH-UBND, ngày 17/01/2024 về việc thu gom, xử lý vỏ bao bì chứa hoá chất BVTV trên địa bàn huyện Phú Lương năm 2024*); chỉ đạo UBND các xã có làng nghề xây dựng phương án BVMT làng nghề trình UBND cấp huyện phê duyệt, thành lập tổ chức tự quản về BVMT, xây dựng các mô hình phân loại rác và xử lý rác thải thực phẩm tại hộ gia đình. Các làng nghề thực hiện tốt công tác BVMT không có hoạt động gây ô nhiễm môi trường.

+ *Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn*: Diện tích trồng rừng trên địa bàn huyện bình quân đạt trên 500ha/năm, đến nay, tổng diện tích rừng của huyện 16.795,7 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,5%. Hằng năm, bình quân toàn huyện trồng được trên 370.630 cây xanh phân tán tại các diện tích đất sử dụng công cộng (khuân viên trụ sở: UBND huyện, các đơn vị hành chính đóng trên địa bàn huyện, UBND các xã, thị trấn, nhà văn hóa xóm, Trường học, Trạm Y tế, Đình, chùa, khu Công nghiệp, đường giao thông, đất công...). Tổng số diện tích đất cây xanh của huyện 511.590m<sup>2</sup>, tổng số nhân khẩu của huyện 110.359 người, tỷ lệ diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn huyện đạt 4,64 m<sup>2</sup>/người.



*Phát động phong trào huyện Phú Lương chung sức xây dựng nông thôn mới*



### *Phát động Chương trình trồng cây vì một Phú Lương xanh*

+ Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ( $\geq 50\%$ ): Kết quả tổng hợp thống kê trên địa bàn huyện cho thấy: Tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng và bán cho các cơ sở thu mua để tái chế đạt: 898,8/1.710,5 tấn/năm đạt 76,8% tổng khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn.



### *Công tác thu gom rác thải nhựa tại xóm Bình Long, xã Vô Tranh*

+ Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định (100%): Huyện đã giao cho Ban Quản lý môi trường - Đô thị huyện tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường. Các xã, thị trấn đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo quy định, đồng thời đã thành lập các tổ vệ sinh môi trường và có kế hoạch quản lý, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó thống nhất kế hoạch về vị trí, thời gian thu gom, vận chuyển rác thải đi xử lý, để các hộ gia đình chuẩn bị và thu



gom rác thải theo kế hoạch để được vận chuyển đi xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường, không có rác tồn đọng gây ô nhiễm môi trường. Do đó, trên địa bàn huyện không có điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Khối lượng đã thực hiện: Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

*c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí Môi trường.*

#### **4.8. Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống:**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

- Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

+ Triển khai hiệu quả Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025. Tập trung thu hút, lồng ghép các nguồn lực đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đồng thời, chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, khai thác các công trình cấp nước đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho người dân trên địa bàn huyện.

+ Chỉ đạo xây dựng kế hoạch kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước, phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

+ Huyện đã xây dựng Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 27/2/2024 phát động thi đua “Phú Lương quyết tâm, chung sức xây dựng huyện NTM” năm 2024; Hỗ trợ Chương trình “trồng mới 01 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên” tại huyện Phú Lương. Trong đó, thực hiện thi đua chăm sóc, xây dựng, duy trì cảnh quan, môi trường toàn huyện sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn. Hàng tháng, từ huyện đến cơ sở duy trì có hiệu quả phong trào “ngày thứ 7 tuần đầu của tháng” tổ chức tổng vệ sinh môi trường, trồng cây xanh, trồng hoa tại các tuyến đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; thực hiện lắp đặt các công trình “thấp sáng làng quê”; thực hiện phát dọn, nạo vét kênh mương, hồ ao đầm, phân loại rác thải tại nguồn, thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường; phân công các tổ chức, đoàn thể phụ trách từng tuyến

đường hoa, cây xanh, tuyến đường tự quản, mô hình bảo vệ môi trường và tổ chức cấm biển các tuyến đường phụ trách. Tổ chức các cuộc tập huấn, tuyên truyền vận động nhân dân thu gom, phân loại, xử lý rác thải tại hộ gia đình”; thực hiện phong trào “*Chống rác thải nhựa*”... như sử dụng xô, sọt đựng phân loại rác thải tại nguồn; duy trì hoạt động hiệu quả mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không 3 sạch”, nhân rộng mô hình “Ngôi nhà 3 sạch NTM”.

+ Ban chỉ đạo An toàn thực phẩm huyện được kiện toàn và hoạt động hiệu quả. Hằng năm, UBND huyện đều thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra, đánh giá các cơ sở trong việc thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm và giao cho các cơ quan chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công xây dựng kế hoạch, kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn các cơ sở thực hiện theo đúng quy định về an toàn thực phẩm, xử nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ *Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung  $\geq 12\%$* : Năm 2024 tổng số hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh là 26.923/27.592 hộ chiếm tỷ lệ 97,57%. Số hộ dân trên địa bàn huyện được sử dụng nước sạch là 17.018/27.592 hộ chiếm tỷ lệ 61,68% trong đó: Hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung là 4.816/27.592 hộ chiếm tỷ lệ 17,45%; Hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước nhỏ lẻ là 12.132/27.592 hộ chiếm tỷ lệ 43,94%.

+ *Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững  $\geq 35\%$* : Trên địa bàn huyện Phú Lương có 26 công trình cấp nước tập trung, trong đó: Có 16 công trình cấp nước tập trung hiện đang hoạt động bền vững gồm: 03 công trình cấp nước do Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn quản lý, khai thác, 03 công trình cấp nước sạch do Doanh nghiệp, HTX quản lý và 10 công trình do cộng đồng nhân dân quản lý. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững trên địa bàn huyện đạt 61,54%.

+ *Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện*: UBND huyện ban hành Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 17/10/2023 của UBND huyện về Kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước. Trên cơ sở Kế hoạch của huyện, UBND các xã, thị trấn đã xây dựng kế hoạch kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn và tổ chức thực hiện thống kê, rà soát các ao, hồ, đập, suối. Qua đó, các xã, thị trấn đã có phương án, kế hoạch tổ chức thực hiện việc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, nạo vét, tu bổ, phát quang hệ thống sông suối, hồ sinh thái trên địa bàn, lắp đặt biển báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người dân, thường xuyên thực hiện việc thu gom rác tại các tuyến kênh mương, không để tắc nghẽn nguồn nước và ô nhiễm môi trường.

+ *Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn*: 100% các xã đạt tiêu chí đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh, sạch, đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường, cụ thể: Các tuyến đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ và được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí thùng đựng rác hợp lý khoảng 153 km; Số km kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ 340 km; 145/145 hồ, ao, đầm được gắn biển cảnh báo tại nơi có nguy cơ mất an toàn và được phát quang tạo cảnh quan sinh thái thường xuyên. Diện tích trồng cây xanh khu vực công cộng khoảng 4,6 m<sup>2</sup>/người. Số hộ gia đình thực hiện chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ, vườn phù hợp đảm bảo cảnh quan môi trường đạt 85,1%; Số km đường được lắp đặt hệ thống chiếu sáng là 328,2 km đạt 64,7% tổng số đường xã, liên xã, xóm, liên xóm trên địa bàn huyện.



*Huyện Phú Lương nâng cấp toàn bộ hệ thống chiếu sáng trên trục đường quốc lộ 3*





*Tuyến đường khu vực xã Cổ Lũng được chỉnh trang*



*Các tuyến đường được chỉnh trang GTNT, vệ sinh hàng tháng đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp*



*Các tuyến đường được chỉnh trang GTNT, vệ sinh hàng tháng đảm bảo sáng – xanh - sạch - đẹp*

+ Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Toàn huyện có 246/246 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống (Ngành Y tế: 68 cơ sở, ngành Nông nghiệp: 41 cơ sở, ngành Công thương: 137 cơ sở) đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, ký cam kết an an thực phẩm, đạt tỷ lệ 100%.

- Khối lượng đã thực hiện: Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

*c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí Chất lượng môi trường sống.*

#### **4.9. Tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công:**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

- Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đảm bảo an ninh, trật tự.
- Có dịch vụ công trực tuyến một phần.
- Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

*b) Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

+ Hàng năm, Đảng bộ, HĐND, UBND huyện đã ban hành Nghị quyết, kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

+ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, quan tâm đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Các tổ chức chính trị - xã hội huyện tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Huyện ủy, UBND huyện ban hành Nghị quyết, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thường xuyên tổ chức tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân để kịp thời giải quyết vướng mắc ngay từ cơ sở, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, vượt cấp. Chỉ đạo tăng cường đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Cùng cố xây dựng lực lượng vũ trang huyện đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

+ UBND huyện luôn quan tâm, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước, đặc biệt trong công tác cải cách hành chính và áp dụng thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, nhằm giảm thời gian, chi phí giải quyết các TTHC, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ *Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:*

Đối với Đảng bộ huyện Phú Lương: Năm 2023, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đánh giá, xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”;



Đối với chính quyền huyện: Năm 2023, Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể Thường trực HĐND huyện “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và UBND huyện “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

+ *Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:*

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện: Năm 2023, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Nguyên tặng Bằng khen do đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2023.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện: Năm 2023 được Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Thái Nguyên tặng Cờ thi đua cho đơn vị xuất sắc năm 2023.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện: Năm 2023 được Ban Thường vụ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Thái Nguyên xếp loại chất lượng tập thể “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2023.

Hội Nông dân huyện: Năm 2023, được Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên công nhận danh hiệu thi đua “Đơn vị xuất sắc” năm 2023.

Hội Cựu chiến binh huyện: Năm 2023, Hội Cựu chiến binh tỉnh Thái Nguyên đánh giá, xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm 2023.

Liên đoàn lao động huyện Phú Lương: Được Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên đánh giá, xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2023.

+ *Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự:* Năm 2022 và 2023 Đảng bộ và chính quyền cấp huyện không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý bị xử lý kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.



*Hội nghị phát động thi đua năm 2024*



*Đồng chí Nguyễn Minh Quang, Bí thư Huyện ủy Phú Lương trao giấy khen cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước*

+ *Đảm bảo an ninh, trật tự:*

Hàng năm, Huyện ủy ban hành Nghị quyết, UBND huyện xây dựng kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn huyện. Trên địa bàn các xã không xảy ra các hoạt động như: Phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, an ninh - quốc phòng; hoạt động tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật, hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự; không có khiếu kiện đông người; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. 100% các xã trên địa bàn huyện đạt chỉ tiêu 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM; 03/13 = 23% xã đạt chỉ tiêu 19.2 về Quốc phòng và an ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

Trên địa bàn các không có công dân cư trú phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; tình hình loại tội phạm, phạm pháp hình sự trên địa bàn các xã đều ổn định, phạm pháp hình sự đều được giảm so với năm trước. Lực lượng Công an từ huyện đến cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành pháp luật, tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT; triển khai xây dựng và duy trì 15 loại mô hình tự quản về ANTT; 878 mô hình tự quản với 5924 thành viên tham gia trong đó có 04 loại mô hình được đánh giá hoạt động có hiệu quả cần được nhân rộng: 01 mô hình Camera an ninh, mô hình cổng trường an toàn giao thông, mô hình tổ liên gia phòng cháy chữa cháy, mô hình liên kết đảm bảo an ninh trật tự.



*Cán bộ Công an huyện Phú Lương theo dõi tình hình giao thông trên địa bàn thông qua hệ thống camera giám sát an ninh trật tự*

+ *Có dịch vụ công trực tuyến một phần*: Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương thực hiện công khai 301 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện (Trong đó có 33 dịch vụ công trực tuyến một phần; 77 dịch vụ công trực tuyến toàn trình ) bằng hai phương thức: Công khai thủ tục hành chính bằng bản giấy, bằng mã QR-code tại Trụ sở Bộ phận Một cửa huyện và Công khai bằng phương thức điện tử tại Kiosk thông tin. Hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến toàn trình đạt trên 95%.





*Cán bộ tại Bộ phận Một cửa của huyện Phú Lương hướng dẫn người dân lấy số tự động và tra cứu thông tin về thủ tục hành chính*

+ *Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định:* Công tác xây dựng xã, huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được tập trung chỉ đạo, tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện được ban hành đúng quy định pháp luật đạt 100%, các văn bản được ban hành về xây dựng huyện nông thôn mới: Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/5/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thông qua Đề án “Xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2022 - 2025”; Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND huyện Phú Lương về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, giai đoạn 2022 - 2025”; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 12/01/2024 về công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật năm 2024; Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 18/3/2024 về công tác kiểm tra công tác Tư pháp - Hộ tịch năm 2024; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 12/01/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện Phú Lương năm 2024; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 12/01/2024 về hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp năm 2024; Kế hoạch số 95/KH-HĐPH ngày 08/3/2024 hoạt động phối hợp PBGDPL huyện Phú Lương năm 2024; Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 30/9/2024 Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày pháp luật Việt Nam huyện Phú Lương năm 2024; Công văn số 3494/UBND - TP ngày 18/11/2024 của UBND huyện về việc hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh.

- Năm 2023 trên địa bàn huyện không phát sinh nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện được ban hành đúng quy định pháp luật đạt 100% (được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20/6/2024 của Bộ Tư pháp hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh).

- Trong năm 2023, huyện Phú Lương đã ban hành 109 văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân. Trong đó có 109 văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý do trái pháp luật. Do đó tỷ lệ văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do chính quyền cấp huyện ban hành bảo đảm đúng quy định pháp luật đạt 100%.

- UBND huyện Phú Lương đã thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định pháp luật theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin: (đúng).

- Tổng số thông tin phải được công khai năm 2023 là 22, trong đó, tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định là 22 chương trình phát thanh. Do đó, tỷ lệ thông tin được công khai kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật đạt 100%.

- Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp trong năm 2023 là 22. Trong đó, tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật là 22. Do đó, tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật đạt 100%.

- Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Theo Kế hoạch Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023 của UBND huyện Phú Lương thì tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra là 26 nhiệm vụ. Trong thực tế đã triển khai và hoàn thành 26 nhiệm vụ. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đạt 100%.

- Trong năm 2023, huyện Phú Lương đã bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đạt 100% nhiệm vụ được bảo đảm kinh phí thực hiện.

- Trên địa bàn huyện Phú Lương có tổng số 24 báo cáo viên pháp luật huyện. Trong đó có 24 báo cáo viên pháp luật huyện được tập huấn, bồi dưỡng. Tỷ lệ báo cáo viên pháp luật cấp huyện được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật đạt 100%.

- Trên địa bàn huyện Phú Lương có tổng số 03 tập huấn viên cấp huyện về hoà giải ở cơ sở. Trong đó có 03 tập huấn viên cấp huyện được bồi dưỡng, tập

huấn về kiến thức, kỹ năng hoà giải ở cơ sở và phương pháp tập huấn. Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện về hòa giải ở cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng hòa giải ở cơ sở và phương pháp tập huấn đạt 100%.

- Trong năm 2023 trên địa bàn huyện Phú Lương có tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý là 79 người. Trong đó có 79 người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt 100 %.

Kết quả có 15/15 = 100% xã, thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp huyện bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Khối lượng đã thực hiện: Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

*c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công.*

## **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được:**

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, trong những năm qua, dưới sự chỉ đạo, điều hành tập trung, sáng tạo của cấp ủy Đảng, Chính quyền, tổ chức chính trị xã hội huyện, các xã, thị trấn và sự đồng thuận của người dân Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn huyện đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch: 100% đường huyện, đường trục xã liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; 94,8km đường trục xóm, liên xóm được cứng hóa; 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn; 94,3% (50/53) các trường học đạt chuẩn quốc gia; 13/13 xã có NVH, sân thể thao đạt chuẩn theo quy định; 211/211 xóm, TDP có NVH xóm đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của nhân dân... tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện luôn duy trì ở mức khá. Tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu tăng bình quân 6%/năm, trong đó ngành nông, lâm, nghiệp thủy sản tăng 3,5%/năm. Năng suất, sản lượng các cây trồng chủ lực hàng năm của huyện đều đạt và vượt so với kế hoạch, đến nay sản lượng chè búp tươi đạt trên 47.406 tấn, sản lượng lương thực trên 32.651 tấn, giá trị sản phẩm/ha đất trồng trọt đạt trên 122 triệu đồng/ha. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5,71%, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 55 triệu đồng/người/năm.



Lĩnh vực văn hoá - xã hội có nhiều chuyển biến, chất lượng giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân được nâng lên; hoạt động văn hoá, văn nghệ thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp. An ninh, trật tự xã hội cơ bản ổn định và giữ vững. Hệ thống chính trị được củng cố vững chắc; dân chủ và kỷ cương xã hội được tăng cường. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân sống ở địa bàn nông thôn được nâng lên rõ rệt. Quá trình xây dựng NTM đã và đang đi vào chiều sâu, thực chất, mang lại sự hài lòng cho người dân trên địa bàn huyện.

## **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn mặc dù đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, cơ bản đồng bộ. Tuy nhiên, một số nội dung cần tiếp tục đầu tư để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất ngày càng cao như giao thông, thuỷ lợi.

- Mô hình sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị tập trung chưa nhiều. Hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm chủ lực còn hạn chế. Việc thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư vào ngành nông nghiệp còn ít.

- Trong công tác môi trường ở nông thôn việc phân loại rác thải (*rác hữu cơ, rác vô cơ*) tại các một số hộ gia đình chưa thực hiện quyết liệt.

### **2.2. Nguyên nhân**

#### *\* Nguyên nhân khách quan*

- Huyện Phú Lương có địa bàn rộng, một số địa bàn dân cư sống không tập trung, nguồn lực ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng NTM còn hạn chế, phải huy động từ nhân dân và nguồn khác, trong khi thu nhập của một số hộ dân ở nông thôn còn thấp, nên huy động gặp khó khăn.

- Thời tiết, dịch bệnh trên người nhất là ảnh hưởng của cơn bão số 3 - Yagi, Covid19, dịch bệnh trên động vật thời gian qua còn diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân qua đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc duy trì các tiêu chí về hạ tầng, kinh tế - xã hội, thu nhập, hộ nghèo, môi trường.

#### *\* Nguyên nhân chủ quan*

- Nhận thức của một số người dân về Chương trình nông thôn mới còn chưa toàn diện, chưa phát huy hết sức mạnh của cộng đồng dân cư tham gia xây dựng NTM.

- Bộ máy quản lý, điều hành giúp việc tuy đã được thành lập ở các cấp tuy nhiên cán bộ còn kiêm nhiệm nhiều việc nên việc triển khai nhiệm vụ có việc

chưa kịp thời. Trình độ năng lực, chuyên môn của một số cán bộ tham mưu thực hiện chương trình xây dựng NTM cấp xã còn hạn chế.

### 3. Bài học kinh nghiệm

*Một là:* Cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp phải quyết liệt chỉ đạo, thường xuyên sâu sát cơ sở, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Xác định đúng những lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, những tiềm năng, thế mạnh, những khâu đột phá và có bước đi phù hợp. Ngay sau khi Chương trình MTQG xây dựng NTM được triển khai, Huyện ủy, UBND huyện Phú Lương đã xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị; đã tổ chức các Hội nghị để quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương về chương trình xây dựng NTM, lựa chọn, phát động các phong trào có hiệu quả đến các cấp, ngành, địa phương và các tầng lớp nhân dân (*Phong trào chung sức xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*).

*Hai là:* Việc triển khai, thực hiện chương trình xây dựng NTM phải gắn với điều kiện thực tế, cụ thể, xác định rõ thực trạng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn của từng xã, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm phù hợp với từng địa bàn, với phương châm “*thực hiện đến đâu chắc đến đó, những nội dung nào dễ triển khai thực hiện trước, những nội dung nào khó thực hiện từng bước, ưu tiên triển khai thực hiện trước ở những cơ sở triển khai quyết liệt, tạo được sự đồng thuận, ủng hộ cao của nhân dân*”.

*Ba là:* Xác định rõ vai trò chủ thể của người dân, tăng cường các hoạt động thông tin, tuyên truyền gắn với các chương trình, hành động cụ thể của các ngành, các cấp để mọi tầng lớp nhân dân hiểu và cả hệ thống chính trị nhận thức sâu sắc về mục đích yêu cầu của công cuộc xây dựng NTM.

*Bốn là:* Nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch. Tăng cường quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình từ việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong việc bàn, quyết định những công việc, trong việc huy động và sử dụng nguồn lực của nhân dân; việc bố trí và sử dụng nguồn vốn xây dựng cơ bản; việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng vốn xi măng hỗ trợ..., qua đó củng cố thêm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương. Từ khi triển khai thực hiện đến nay, trên địa bàn huyện không để xảy ra sai phạm trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

*Năm là:* Tập trung chỉ đạo huy động tối đa nguồn lực triển khai thực hiện, lồng ghép các chương trình, dự án, đặc biệt là trong công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, các công trình trọng điểm. Tổng kinh phí huyện đã huy động trong triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM đến nay đạt trên 2.300 tỷ đồng, trong đó phải kể đến nguồn vốn huy động từ các doanh nghiệp

trong và ngoài huyện đạt trên 45,9 tỷ đồng. Nguồn vốn hỗ trợ từ các doanh nghiệp ngoài việc thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn như điện, đường giao thông, trường học, NVH, Sân thể thao... các doanh nghiệp còn tài trợ kinh phí để thực hiện đồng loạt điều chỉnh quy hoạch chung các xã và quy hoạch chi tiết khu trung tâm các xã.

#### **4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu:**

**4.1. Xây dựng và phát triển mô hình sản xuất sản phẩm chủ lực (sản phẩm chè) của huyện:** Trên địa bàn huyện có 03 mô hình liên kết phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh chè toàn VietGAP, hữu cơ trên địa bàn xã Tức Tranh, Ôn Lương với quy mô diện tích liên kết là trên 140,6 ha, số hộ tham gia liên kết khoảng 400 hộ, giá trị sản phẩm trên một ha đạt trên 400 triệu đồng/ha/năm. Tất cả các mô hình đều có các sản phẩm được đánh giá xếp hạng OCOP từ 3 sao đến 4 sao và được cấp mã số vùng trồng, các mô hình phát triển sản xuất đã và đang được triển khai nhân rộng trên địa bàn. Các sản phẩm sản xuất ra được bán tại các chuỗi cửa hàng bán lẻ và hệ thống siêu thị và các trang thương mại điện tử như Vò sò, Shopee, Lazada... Thu nhập của người dân tham gia các mô hình ngày càng đi vào ổn định và tăng lên theo các năm.

#### **4.2. Mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ gạo nếp Vải**

Trên địa bàn huyện có mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ gạo nếp Vải giữa hợp tác xã nông sản nếp Vải Ôn Lương, hợp tác xã nông sản Phú Lương với các tổ hợp tác sản xuất lúa nếp Vải của xã Ôn Lương, Phú Lý, Hợp Thành, Yên Đỗ, Yên Trạch quy mô liên kết trên 100 ha, những năm gần đây các tổ hợp tác liên kết sản xuất và hợp tác xã được nhà nước hỗ trợ tập huấn khoa học kỹ thuật, hỗ trợ phân bón, hỗ trợ chứng nhận VietGAP, hỗ trợ máy xay sát, máy làm cốm, máy sấy nông sản...; giá trị sản phẩm gạo nếp Vải bình quân hàng năm tăng 10% trở lên.

**4.3. Dự án liên kết sản xuất trồng, chế biến và tiêu thụ măng Lục Trúc tại xã Động Đạt:** Trên địa bàn huyện có 01 mô hình liên kết sản xuất chế biến và tiêu thụ măng Lục Trúc theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, với quy mô diện tích 10 ha, số hộ tham gia 40 giá trị sản phẩm thu được đạt trên 400 triệu đồng/ha/năm; dự án đã hỗ trợ giống măng, phân bón, khoa học kỹ thuật, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nắm cho các đơn vị liên kết, hỗ trợ nhãn mác bao bì sản phẩm...

**4.4. Dự án liên kết sản xuất trồng, chế biến và tiêu thụ sâm Bồ Chính tại xã Vô Tranh:** Trên địa bàn huyện có 01 mô hình liên kết sản xuất chế biến và tiêu thụ sâm Bồ Chính theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, với quy mô diện tích 8 ha với 12 hộ tham gia; giá trị sản phẩm đạt trên 300 triệu đồng/ha/năm; dự án đã hỗ trợ giống sâm, phân bón, khoa học kỹ thuật, quảng bá, giới thiệu sản phẩm cho các đơn vị liên kết, hỗ trợ nhãn mác bao bì sản phẩm...



**4.5. Mô hình chăn nuôi gà ri Hoa Mơ Phú Lương:** Trên địa bàn huyện có 01 mô hình liên kết chăn nuôi gà ri Hoa Mơ an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, với quy mô diện tích 10.000 con, số hộ tham gia 7 hộ; doanh thu đạt trên 2 tỷ đồng; dự án đã hỗ trợ con giống, cám, thuốc thú y, khoa học kỹ thuật, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nhằm cho các đơn vị liên kết, hỗ trợ nhãn mác bao bì sản phẩm...

**4.6. Liên kết quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC:** Mô hình liên kết quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng giữa công ty TNHH lâm sản Thái Hưng ký kết tiêu thụ lâm sản với các xã: Yên Đổ, Yên Lạc, Yên Đổ, Yên Trạch có quy mô 5.163 ha, 8.023 hộ tham gia. Các hộ trồng rừng được cấp chứng chỉ rừng đều nằm trong quy hoạch lâm nghiệp, diện tích trồng tập trung, các hộ được tập huấn khoa học kỹ thuật từ trồng rừng đến khi khai thác, hỗ trợ phân bón, cây giống, và được thu mua toàn bộ sản phẩm gỗ với giá cao hơn thị trường khoảng 300.000đ/m<sup>3</sup>.

#### **4.7. Mô hình xây dựng điểm các xóm nông thôn mới kiểu mẫu**

Đến nay huyện Phú Lương có 48 xóm đạt chuẩn xóm nông thôn kiểu mẫu theo Bộ tiêu chí xóm nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025. Với sự lãnh đạo chỉ đạo của cấp uỷ đảng, hỗ trợ ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hoá, đóng góp của nhân dân, đến nay các xóm được công nhận xóm kiểu mẫu đã hoàn thành các hạng mục: Đường giao thông nông thôn, đường trục xóm, ngõ xóm, các Nhà văn hoá xóm được nâng cấp, xây mới, các thiết chế văn hoá xóm được đầu tư, liên tục đạt xóm văn hóa, vệ sinh môi trường, thu nhập của nhân dân trong xóm nâng lên, không có hộ nghèo, đảm bảo an ninh trật tự xã hội... Bộ mặt kinh tế - xã hội của xóm đã có rất nhiều đổi mới theo hướng văn minh tiến bộ, ý thức trách nhiệm của người dân về xây dựng nông thôn mới theo tinh thần: Tự lực, chăm chỉ, hợp tác để xây dựng xóm có cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn, đã và đang dần hình thành một làng quê đáng sống tại các xóm đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

#### **4.8. Mô hình “Thu gom, phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình; cải tạo cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp tại xóm Bình Long xã Vô Tranh**

Mô hình nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Thái Nguyên, Hội LHPN huyện Phú Lương và hướng dẫn của UBND huyện: Vận động hội viên và nhân dân thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình với 03 thùng rác: Vô cơ, hữu cơ, tái chế; Thực hiện xử lý rác thải hữu cơ bằng cách ủ rác với men vi sinh; thực hiện tự ủ men vi sinh tại hộ gia đình; Thực hiện trồng hoa/cây xanh tuyến đường trục của xóm; Thực hiện vệ sinh đường làng, ngõ xóm, xây dựng tuyến đường “Xanh, sạch, đẹp”. 75/75 hộ gia đình trong mô hình thực hiện tốt việc phân loại rác thải tại hộ gia đình bằng 03 thùng rác (vô cơ, hữu cơ và tái chế); thực hiện việc ủ rác hữu cơ có sử dụng men vi sinh tại vườn nhà với 30 thùng ủ và 45 nắp đậy hữu cơ; trồng 560 cây cau và 15.000 cây chuối ngọc trên 02 tuyến đường mẫu của xóm dài 2m; thu gom rác thải và vệ sinh đường

làng, ngõ xóm, nhà văn hóa xóm được thực hiện thường xuyên theo định kỳ 02 lần/tháng; Xây dựng 01 mô hình “Ngôi nhà xanh”, việc thu gom rác thải tái chế tại ngôi nhà xanh, các nơi công cộng và các gia đình ủng hộ chi hội Phụ nữ xóm thực hiện thu gom và bán cho người thu mua phế liệu 01 lần/ quý, mỗi quý cho thu nhập bình quân 100.000đ, nguồn kinh phí này được chi hội và UBND xã chi cho việc chăm sóc đường hoa, cây xanh.

## **VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NTM**

### **1. Quan điểm:**

Quan triết quan điểm: *“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là chiến lược, xây dựng NTM là căn bản, tái cơ cấu nông nghiệp là then chốt, người nông dân là chủ thể”* và *“Xây dựng NTM là quá trình liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc”*. Lựa chọn các đột phá xây dựng NTM: Đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, nâng cao thu nhập cho người dân; xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường và môi trường cảnh quan nông thôn sáng-xanh-sạch-đẹp-an toàn; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới; đẩy mạnh triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; đảm bảo tình hình an ninh trật tự để người dân thực sự được hưởng thụ thành quả từ xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng huyện Phú Lương đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trong giai đoạn 2026 – 2030.

### **2. Mục tiêu:**

- Phần đầu đến hết năm 2030, 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn NTM, trên 50% xã NTM nâng cao theo bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

- Phần đầu xây dựng huyện NTM nâng cao năm 2030.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, phần đầu đến hết năm 2030 thu nhập bình quân đầu người của huyện đạt trên 80 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 2%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 95%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 80%, số có văn bằng, chứng chỉ đạt 45%. Tiếp tục duy trì và phát huy tốt các trường học đạt chuẩn quốc gia và nâng cấp độ trường THPT Phú Lương lên cấp độ 2, THPT Túc Tranh đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải 100%; tỷ lệ khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn đạt 100%; tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt trên 200%; duy trì 100% hộ dân thực hiện phân loại rác theo đúng quy định.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; phát triển trồng trọt, chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp đảm bảo tốc độ tăng trưởng bình quân 3,5%/năm. Đến năm 2030 toàn huyện có 45 sản phẩm trở lên được công nhận sản phẩm OCOP, trong đó có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 5 sao.

### **3. Nội dung, giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM**

#### **3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, triển khai quán triệt và thực hiện tốt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện, Ban quản lý nông thôn mới cấp xã và Ban phát triển xóm; xây dựng kế hoạch tổ chức và triển khai thực hiện, kịp thời bổ sung các giải pháp để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội; phát huy vai trò của các tầng lớp Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, phát hiện các mô hình làm tốt, cách làm mới có hiệu quả, phổ biến, nhân rộng. Kịp thời khen thưởng, biểu dương đối với các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong xây dựng nông thôn mới.

#### **3.2. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức để mọi người dân hiểu và có trách nhiệm trong việc xây dựng nông thôn mới**

- Tiếp tục quán triệt, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến các tầng lớp Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân để huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và người dân trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Xác định rõ trách nhiệm và quyền lợi của người dân khi tham gia xây dựng nông thôn mới, tạo sự đồng thuận của người dân trong thực hiện phong trào hiến đất, tài sản để xây dựng hạ tầng, giao thông nông thôn và huy động sự đóng góp của nhân dân để củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới trong giai đoạn 2026-2030.

#### **3.3 Phát động phong trào thi đua để huy động các nguồn lực và người dân tham gia thực hiện chương trình**

- Quan điểm xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ thường xuyên, có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc, huyện Phú Lương tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua "*Phú Lương chung sức xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*" giai đoạn 2026-2030. Củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí huyện nông thôn mới, trong đó: Tập trung đầu tư, xây dựng hạ tầng giao thông nông thôn, hạ tầng cấp, thoát nước nhằm đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn đô thị. Tiếp tục duy trì và nâng cao tiêu chí cảnh quan môi trường; phát triển sản xuất gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao thu nhập, đời sống nhân dân khu vực nông thôn; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

- Huy động cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở tiếp tục thực hiện tốt phong trào thi đua "*Phú Lương chung sức xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", "*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*"; các phong trào "*Nông dân thi*



*đưa sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau giảm nghèo và làm giàu chính đáng*”, “*Cựu chiến binh gương mẫu*”, “*Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới*”, “*Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế*”, duy trì phát huy phong trào “*Ngày thứ Bảy tình nguyện, ngày Chủ Nhật xanh*” ra quân tổng vệ sinh môi trường...

- Phát huy tính chủ động và sáng tạo của người dân, để người dân thực sự làm chủ thể, được biết, được tham gia bàn bạc, quyết định lựa chọn nội dung và tổ chức thực hiện ở mỗi địa phương trong xây dựng nông thôn mới nhằm huy động tối đa nguồn lực của nhân dân góp công, góp của vào xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng phải kịp thời, theo hướng trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm đúng thành tích, tiêu chuẩn, đối tượng và chính xác. Bên cạnh đó, cần tập trung khen thưởng những nhân tố mới, những điển hình mới trong xã hội.

### **3.4 Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới**

- *Về quy hoạch*: Tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật đồ án quy hoạch đã có theo quy hoạch tỉnh; thực hiện lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch vùng huyện đã được phê duyệt; tổ chức quản lý và triển khai thực hiện tốt các quy quy hoạch; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý đô thị. Tuyên truyền cho người dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về trật tự và văn minh đô thị.

- *Giao thông*: Huy động và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực để tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn đảm bảo phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thực hiện đầu tư, nâng cấp một số công trình đường huyện, cải tạo, sửa chữa các tuyến đường trục xã, liên xã gắn với tiêu chuẩn đô thị. Phát động phong trào trồng cây xanh, trồng hoa dọc các tuyến giao thông; đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng, biển báo giao thông đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. Thực hiện xây dựng dự án bến xe khách huyện Phú Lương giai đoạn 2026-2030. Theo định hướng quy hoạch vùng huyện đến năm 2045, huyện Phú Lương sẽ mở mới một số tuyến đường huyện nhằm phát triển mạng hệ thống hạ tầng giao thông, phát triển kinh tế khu vực vùng huyện nói riêng cũng như phát triển kinh tế của toàn tỉnh nói chung. Đề nghị UBND tỉnh, Bộ GTVT đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường QL.3, QL.37, QL.3C, tỉnh lộ ĐT.263, các tuyến đường liên kết vùng của huyện với tỉnh, một số tuyến đường huyện quản lý đã đủ điều kiện nâng lên thành đường tỉnh, đường tỉnh quản lý nhằm đảm bảo tốt hơn việc khai thác, vận hành, quản lý các tuyến đường, duy trì tuổi thọ cũng như công năng sử dụng của các tuyến đường.

- *Thủy lợi*: Tập trung thu hút đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và dân sinh, thực hiện tốt công tác kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi; nhân rộng mô hình

tươi tiên tiến, tưới tiết kiệm nước đối với cây trồng chủ lực địa phương (*cây chè, cây ăn quả*). Tiếp tục thực hiện cứng hóa, nâng cấp các tuyến kênh mương, các hồ đập phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- *Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn*: Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, quan tâm phát triển, nâng cao chất lượng các vùng sản xuất tập trung đối với các cây trồng chủ lực của địa phương; mở rộng diện tích chè sản xuất tập trung áp dụng theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, có thương hiệu, phân đầu diện tích gieo cấy lúa năng suất, chất lượng cao, đặc sản đạt trên 65% tổng diện tích gieo cấy toàn huyện; tiếp tục phát triển thương hiệu các sản phẩm đặc sản, thế mạnh của địa phương như chè, nếp vải, bánh chưng... Tập trung ưu tiên các nguồn lực, nâng cao chất lượng hoạt động các mô hình kinh tế tập thể, thu hút các doanh nghiệp mở rộng đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Tiếp tục rà soát, lựa chọn sản phẩm OCOP chủ lực, mở rộng sản xuất hàng hóa tập trung; chuẩn hóa các quy trình sản xuất nguyên liệu chế biến, đóng gói gắn với sở hữu trí tuệ. Nâng cao chất lượng, quy mô sản xuất và giá trị thương hiệu, ứng dụng chuyển đổi số trong các khâu sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại tập trung, quy mô công nghiệp theo quy hoạch; phát triển chăn nuôi gắn với quản lý, xây dựng hệ thống cơ sở giết mổ, kinh doanh động vật gắn với bảo vệ môi trường. Phát triển nuôi trồng thủy sản ở các hồ có diện tích mặt nước lớn nhằm khai thác dịch vụ du lịch sinh thái ở các xã như Ôn Lương, Cổ Lũng, Động Đạt, Yên Ninh...

Phát triển ngành chế biến gỗ theo vùng quy hoạch, hướng ưu tiên chế biến sâu thành các sản phẩm tiêu dùng; phát triển rừng gỗ lớn gắn với quản lý rừng bền vững (FSC), tạo vùng nguyên liệu ổn định, đáp ứng nhu cầu công nghiệp chế biến gỗ, từng bước hướng tới thị trường tín chỉ các-bon theo tinh thần Chỉ thị số 13/CT-TTg, ngày 02/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý tín chỉ các-bon; tạo sinh kế cho người dân, đồng thời thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Diện tích rừng gỗ lớn và diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng bền vững đến năm 2030 đạt trên 50% tổng diện tích rừng sản xuất.

- *Tiếp tục đầu tư và thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại*: Trong thời gian tới thực hiện lồng ghép các nguồn lực để cải tạo, nâng cấp các chợ truyền thống hiện có, chuyển đổi mô hình chợ chuyên thống phù hợp với tình hình kinh tế thị trường. Khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tại trung tâm các xã, thị trấn nhằm phục vụ đầy đủ nhu cầu của nhân dân trên địa bàn. Thu hút các nhà đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Yên Ninh, diện tích quy hoạch 28 ha; Cụm công nghiệp Bá Sơn, diện tích quy hoạch 50 ha; Cụm công nghiệp cầu Bình, diện tích quy hoạch 35,6 ha; Cụm công nghiệp Cổ Lũng, diện tích quy hoạch 55 ha.

- *Về giáo dục và đào tạo*: Tiếp tục duy trì và phát huy các điều kiện của trường đạt chuẩn quốc gia, thực hiện đúng lộ trình đăng ký kiểm định chất lượng

giáo dục để kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn và nâng chuẩn. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng theo quy định tại các cơ sở giáo dục; đảm bảo duy trì tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn. Quy hoạch quỹ đất mở rộng quy mô trường, lớp học; bổ sung trang thiết bị, dụng cụ để đáp ứng nhu cầu dạy và học thời gian tới; đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn về nhân sự thực hiện nhiệm vụ trong các trường học; nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn trong yêu cầu về trường chuẩn đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm GDNN-GDTX huyện; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ đạt trên 50%, đáp ứng lao động chất lượng cao trong thời gian tới. Phối hợp với cấp có thẩm quyền hoàn thiện các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho trường THPT Tứ Tranh, thực hiện tốt công tác tự đánh giá, đăng kí đánh giá ngoài ở các trường THPT trên địa bàn huyện.

- *Về văn hóa:* : Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” giai đoạn 2021-2025 gắn với xây dựng NTM trong quá trình đô thị hoá, trọng tâm việc cưới, việc tang, văn minh thôn xóm và nơi công cộng. Huy động nguồn lực để xây dựng các thiết chế văn hoá; bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, giá trị văn hoá truyền thống gắn với phát triển du lịch. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá các hoạt động văn hoá - thể thao, quan tâm đầu tư phát triển các môn thể thao mũi nhọn. Có cơ chế hỗ trợ phát triển các câu lạc bộ thể thao, nhất là đối với những câu lạc bộ và vận động viên thi đấu thành tích cao, dự ước năm 2024 có 211/211 xóm đạt danh hiệu xóm, tổ dân phố văn hóa đạt 100%.

- *Về y tế:* Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự vào cuộc của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội; nêu cao vai trò quản lý Nhà nước về Y tế. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, tập trung nguồn lực nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; duy trì và nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tăng cường chất lượng dịch vụ y tế đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đảm bảo kiểm soát hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh và các bệnh truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em, giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng; tập trung tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT, nâng tỷ lệ bảo phủ người dân tham gia BHYT bền vững trên 95% vào năm 2025, tiến tới BHYT toàn dân. Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; thường xuyên thông tin, giáo dục truyền thông các quy định của pháp luật về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

- *Về chất lượng môi trường sống:*

+ Thực hiện xã hội hóa và tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức của Nhân dân đối với việc thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường để kịp thời phát hiện, ngăn

chặn các hành vi vi phạm pháp luật, củng cố và phát triển các tổ tự quản về môi trường; nâng cao tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ở mức tối đa; chú trọng đến việc xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn... xây dựng các mô hình kiểu mẫu đối với từng chỉ tiêu cụ thể trong tiêu chí môi trường, như mô hình thực hiện tốt chỉ tiêu về cảnh quan môi trường, xử lý chất thải trong chăn nuôi...

+ Đẩy mạnh xã hội hóa công tác BVMT nhằm đa dạng hóa nguồn lực BVMT thông qua việc thu hút đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho BVMT, tăng cường sự tham gia của các tổ chức đoàn thể, hợp tác xã, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, giám sát công tác BVMT tại địa phương.

+ Tiếp tục tăng cường công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng kế hoạch kiểm tra thường xuyên việc thực hiện bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và chăn nuôi trên địa bàn huyện

- Về Quốc phòng - An ninh - Hành chính công:

+ Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Xây dựng khu vực phòng thủ, gắn thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân vững chắc.

+ Đẩy mạnh phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Tập trung củng cố, duy trì và nhân rộng các mô hình phòng chống tội phạm trên địa bàn trong đó tập trung mô hình ánh sáng quang, cổng rào phòng chống tội phạm, Camera phòng chống tội phạm và Chốt dân phòng. Phối hợp với Công an tỉnh Thái Nguyên triển khai xây dựng trụ sở Công an các xã, thị trấn, các đồn công an khu vực nhằm thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, đáp ứng quá trình công nghiệp và phát triển đô thị.

+ Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, công tác tiếp công dân; kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện nhất là dự án cấp căn cước công dân và dự án dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý trên địa bàn. Thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính ở cơ sở, tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng hệ thống thông tin một cửa điện tử mức độ 3, mức độ 4 trong tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính.



### **3.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, hướng dẫn thực hiện Chương trình**

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình, trọng tâm là việc thực hiện cơ chế, chính sách, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực; quản lý, sử dụng, nâng cao chất lượng các công trình.

- Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình theo quy định; định kỳ, tổ chức điều tra, lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với tiến độ và kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Nâng cao chất lượng công tác thẩm tra, thẩm định đánh giá chất lượng các tiêu chí và công nhận xóm, xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Căn cứ kết quả thực hiện Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn huyện Phú Lương, đối chiếu với Bộ tiêu chí Quốc gia về huyện NTM tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn đặc thù không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025 đến nay huyện Phú Lương đạt chuẩn theo yêu cầu của huyện nông thôn mới.

Trên đây là Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2024 của huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Huyện ủy,
- Thường trực HĐND huyện;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- BCĐ thực hiện Kết luận 1338-KL/TU;
- BCĐ các Chương trình MTQG huyện;
- Văn phòng NTM huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VPNTM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thuý Hằng**